



LUYỆN THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC 2023 TAQ EDUCATION

ĐỀ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC HỒ CHÍ MINH

ĐỀ SỐ 01

PHẦN 1: NGÔN NGỮ

1.1. TIẾNG VIỆT

CÂU 1: Chọn từ đúng dưới đây điền vào chỗ trống: “Cao chằm vô ...”:

- A. lo. B. phiền. C. ưu. D. ái.

CÂU 2: “Tẩu lộ tài tri tẩu lộ nan,
Trùng san chi ngoại hựu trùng san;
Trùng san đăng đảo cao phong hậu,
Vạn lý dư đồ cố miện gian.”

(Tẩu lộ, Hồ Chí Minh)

Đoạn thơ được viết theo thể thơ:

- A. Thất ngôn bát cú. B. Thất ngôn tứ tuyệt
C. Ngũ ngôn tứ tuyệt. D. Song thất lục bát.

CÂU 3: “Con gió xinh thì thào trong lá biếc,
Phải chăng hờn vì nỗi phải bay đi?”

(Vội vàng, Xuân Diệu)

Những biện pháp tu từ được sử dụng trong hai câu thơ trên là:

- A. Hoán dụ, câu hỏi tu từ. B. So sánh, nhân hóa.
C. Ẩn dụ, chơi chữ. D. Nhân hóa, câu hỏi tu từ.

CÂU 4: Điền vào chỗ trống:

“Lưu Cung tham công nên thất bại,
Triệu Tiết thích lớn phải tiêu vong.
Sông Bạch Đằng giết tươi Ô Mã.
Việc xưa xem xét,
Chứng cứ còn ghi.”

(Bình Ngô đại cáo, Nguyễn Trãi)

- A. Cửa Hàm Tử bắt sống Toa Đô. B. Phong tục Bắc Nam cũng khác.





C. Trúc Nam Sơn không ghi hết tội.

D. Nước Đông Hải không rửa sạch mùi.

CÂU 5: Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong khổ thơ sau:

“Hạt gạo làng ta Có bão tháng bảy Có mưa tháng ba Giọt mồ hôi sa Những trưa tháng sáu Nước như ai nấu Chết cả cá cò Cua ngoi lên bờ Mẹ em xuống cấy...”

(Hạt gạo làng ta, Trần Đăng Khoa)

A. Ẩn dụ.

B. So sánh.

C. Nhân hóa.

D. Chơi chữ.

CÂU 6: Dựa vào nội dung tác phẩm *Người lái đò sông Đà* của Nguyễn Tuân, hãy cho biết dòng sông Đà chảy theo hướng nào?

A. Hướng đông.

B. Hướng tây.

C. Hướng nam.

D. Hướng bắc.

CÂU 7: Thông tin nào sau đây không đúng với truyện ngắn *Vợ nhặt* của Kim Lân?

A. Miêu tả tình cảnh thê thảm của người nông dân nước ta trong nạn đói khủng khiếp năm 1945.

B. Khắc họa chân thực những nét riêng biệt về phong tục, tập quán, tính cách và tâm hồn người dân các dân tộc thiểu số.

C. Tình huống truyện độc đáo, miêu tả tâm lí tinh tế.

D. Thể hiện bản chất tốt đẹp và sức sống kì diệu của những người nông dân Việt Nam.

CÂU 8: Trong những từ sau, từ nào viết đúng chính tả?

A. Cà tào.

B. Đờ đặng.

C. Lải nhải.

D. Lạm xác.

CÂU 9: Trong các từ sau đây, từ nào viết sai chính tả?

A. Ngả ngón.

B. Ngải ngại.

C. Thuần phát.

D. Trống lồng.

CÂU 10: Điền từ đúng vào chỗ trống trong câu sau:

“Tôi nghe tiếng thở dài của bác Năm – một con người gầy gò, xanh xao vì đến gần cuối đời phải chật vật lo cho con mình. Ở cái tuổi xế chiều ấy, người ta mong được sống một cuộc sống yên bình, không bận lòng với thế giới xô bồ ngoài kia.”

A. ngạc nhiên/ đã.

B. bỗng dưng/ vẫn.

C. đột nhiên/ đã.

D. đương nhiên/ vẫn.

CÂU 11: Từ “bảo” trong “bảo trọng” có nghĩa là gì?

A. Giữ gìn, trông nom.

B. Cổ kính.

C. Quan trọng.

D. Quý giá.

CÂU 12: “*Anh bỗng nhớ em như đông về nhớ rét
Tình yêu ta như cánh kiến hoa vàng
Như xuân đến chim rừng lông trở biếc
Tình yêu làm đất lạ hóa quê hương*”

(Tiếng hát con tàu, Chế Lan Viên)

Đoạn thơ trên đã sử dụng biện pháp nghệ thuật gì?





- A. Hoán dụ. B. Nhân hóa. C. So sánh. D. Ẩn dụ.

CÂU 13: Câu nào dưới đây mắc lỗi?

- A. Trong những năm đầu của cuộc kháng chiến chống Mỹ đầy cam go và ác liệt.
B. Lặn lội từ dưới quê lên đây, còn quà cáp làm gì hờ bác?
C. Xuất sắc quá chứ nhỉ!
D. Sẽ là lần đầu tiên và cũng là lần cuối cùng tôi đến nơi này.

CÂU 14: Từ nào dưới đây không cùng loại với những từ còn lại:

- A. Lê thê. B. Lơ là. C. Lỡ dở. D. Lâng lâng.

CÂU 15: Cho câu sau: “Có lăm lăm là của” Đây là câu:

- A. Thiếu chủ ngữ. B. Thiếu vị ngữ.
C. Thiếu cả chủ ngữ lẫn vị ngữ. D. Đúng.

Dựa vào thông tin dưới đây để trả lời các câu từ 16 đến 20:

“Trước ngày hội diễn ra, bảy thôn làng đại diện cho bảy xã chuẩn bị lễ vật trong ngày mở đầu hội chính. Nhưng nghi lễ đặc biệt sẽ được làm vào đêm mừng 5 đó là lễ Dục Vọng để mời ông Gióng về với các lễ vật, lễ phẩm đã được chuẩn bị chu đáo với lòng thành kính, mong đức Thánh Gióng phù hộ cho dân làng có một cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Ngoài ra, trong hội còn có nhiều trò chơi dân gian sôi động như chơi gà, cờ tướng, hát ca trù, hát chèo... Ngày chính hội là mừng 6, ngày thánh hoá theo truyền thuyết. Ngày khai hội, dân làng và khách thập phương dâng hương, đúng nửa đêm có lễ khai quang - tắm cho pho tượng Thánh Gióng. Nghi lễ chủ yếu trong ngày chính hội là dâng hoa tre ở đền Sóc (thờ Thánh Gióng) và chém tướng giặc. Hoa tre được làm bằng những thanh tre dài khoảng 50 cm, đường kính khoảng 1 cm, đầu được vót thành xơ và nhuộm màu. Sau lễ dâng hoa, tre được tung ra trước sân đền cho người dự hội lấy đề cầu may. Chém tướng giặc được thực hiện bằng cách chém một pho tượng, diễn lại truyền thuyết Gióng dùng tre ngà quật chết tướng cầm đầu giặc Ân là Thạch Linh (đá thành tinh). Mặc dù có các nghi thức gắn với truyền thuyết Thánh Gióng nhưng các nhà nghiên cứu cho rằng: “Hội Gióng Sóc Sơn vẫn mang rõ tính chất hội cầu mùa theo tín ngưỡng dân gian phổ biến ở hầu hết hội xuân vùng đồng bằng và trung du Bắc Bộ.”

(Hội Gióng, Bách khoa toàn thư mở Wikipedia)

CÂU 16: Đoạn trích trên đề cập đến nội dung chính nào?

- A. Lễ hội Hội Gióng. B. Lễ hội chém tướng Bạch Linh.
C. Lễ hội cầu quốc thái dân an. D. Lễ hội Sóc Sơn.

CÂU 17: Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích là gì?

- A. Tự sự. B. Miêu tả. C. Biểu cảm. D. Thuyết minh.

CÂU 18: Theo đoạn trích, lễ khai quang là lễ gì?

- A. Chém tướng. B. Dâng hoa tre.





- C. Tắm cho pho tượng Thánh Gióng. D. Dâng hương.

CÂU 19: Theo đoạn trích, trong lễ hội có loại trò chơi dân gian nào?

- A. Kéo co. B. Ném pao. C. Hát ca trù. D. Đấu vật.

CÂU 20: Theo đoạn trích, mục đích của việc tổ chức lễ hội này là gì?

- A. Cầu cuộc sống ấm no, hạnh phúc.
B. Cầu cho vạn vật sinh sôi, nảy nở, con đàn cháu đông.
C. Giữ nét truyền thống, tạo điểm đến thu hút khách du lịch.
D. Tái hiện cuộc sống làng quê thời xưa.

1.2. TIẾNG ANH

Questions 21-25: Choose a suitable word or phrase (marked A, B, C, or D) to fill in each blank.

CÂU 21: Robin didn't need to give all that money to the children, but it was very _____ of him.

- A proud B patient C generous D jealous

CÂU 22: Before _____ around the shops, we _____ lunch.

- A. having looked / were having B. looked / had had
C. looking / had had D. being looked / were having

CÂU 23: Neither my brother nor I _____ taller than our dad.

- A. am B. is C. are D. Ø

CÂU 24: Hugo Lloris nearly broke his arm _____ attempting to block the cross from a Brighton & Hove Albion player.

- A. in B. on C. at D. to

CÂU 25: Judy has just lost her job and her home; she must be in a _____.

- A. untidiness B. chaos C. wreck D. mess

Questions 26-30: Each of the following sentences has one error (A, B, C, or D). Find it and blacken your choice on your answer sheet.

CÂU 26: Ricardo planned that when the Covid-19 pandemic has eased slightly, he will visit his distant relationships.

- A. planned B. has eased C. distant D. relationships

CÂU 27: I'm getting used using paper bags to minimize the use of plastic although it is still quite inconvenient.

- A. getting used B. using C. minimize D. quite

CÂU 28: The doctor looked at Sarah and said that she was outweighed and that she should go





on a diet.

- A. looked B. outweighed C. that D. go on

CÂU 29: While I was studying in my room, my roommates had a party in the other room.

- A. was studying B. roommates C. had D. the other

CÂU 30: Through history there have been seagoing robbers called pirates.

- A. Through B. have been C. seagoing D. called

Questions 31-35: Which of the following best restates each of the given sentences?

CÂU 31: This company's new products have tripled its profits in only one year.

- A. The company has had an unprofitable year.
B. The company's profits are three times higher this year than last year.
C. The company has increased its profits 100 percent.
D. The company has greatly increased the number of new products.

CÂU 32: I always hated pasta when I was a child. Now I cook it regularly.

- A. In spite of hating pasta, I cooked it regularly when I was a child.
B. Hating pasta a lot when I was a child, I now cook it regularly.
C. If I hadn't hated pasta when I was a child, I would cook it regularly.
D. I used to dislike pasta when I was a child but now I cook it regularly.

CÂU 33: It's a waste of time to try and explain anything to Tony.

- A. Tony should be given explanations.
B. It's not worth trying to explain anything to Tony.
C. To save time, explain it to Tony.
D. It's no worth to try to explain things to Tony.

CÂU 34: Anne jogs every morning. It is very good for her health.

- A. Anne jogs every morning, which is very good for her health.
B. Anne jogs every morning and then it is very good for her health.
C. Anne jogs every morning and is very good for her health.
D. Anne jogs every morning that it is very good for her health.

CÂU 35: However urgent it is, I'm not going to stay here all night to finish it.

- A. It is urgent; however, I'm going to stay here all night to finish it.
B. Despite being urgent, I'm not going to stay here all night to finish it.
C. Urgent as it is, I'm not going to stay here all night to finish it.
D. It is, however, so urgent that I'm not going to stay here all night to finish it.





Question 36-40: Read the following passage and answer the questions below

Football is nowadays almost an international game and called the king sport. In the streets of cities, open fields of village boys and young men kick at football in all seasons. The name football comes from the two words ‘foot’ and ‘ball’. It is named football because the players of the game walk and often run (on their feet) while playing.

There are many versions of football in the history throughout the world, however, the earliest version of soccer was in China. It’s called “cuju” in the past and existed during Han dynasty. In the western countries, during the Middle Ages, people saw a huge rise in the popularity of football matches. Since then, lots of football leagues and competitions have arisen and spread around the world. **FIFA** (Federation International of Football Association) has been established and World Cup has become the most expected event in the world.

Players of football gain many benefits from this game. First, they have a better health with duration, speedy and flexibility. Besides, it promotes skeletal system and immune system. It also helps the players build muscle and keep in shape. Secondly, football is a competitive game, which raises players’ competition and improve their mind. To win the game, players need not only health but a smart head to deal with the generalship of the components.

That all above explain why people love it a lot and always look forward it.

CÂU 36: What is this passage mainly about?

- A. introducing a sport called football.
- B. explaining why football became popular.
- C. describing advantages of football.
- D. guiding the way to play football.

CÂU 37: What “**FIFA**” means?

- A. Football International of Federation and Association.
- B. Federation International of Football Association.
- C. Foundation International of Football Association.
- D. Foundation International of Football Associated.

CÂU 38: It can be inferred from the paragraph that:

- A. England is the home of football.
- B. There is only one version of football in the world, which was from China.
- C. Football brings a lot of benefits to players.
- D. Football promotes skeletal system and digestive system.

CÂU 39: According to the text, football is a competitive game because _____.

- A. many players play this sport.
- B. there are many football competitions.





C. it is hard to play.

D. players need both health and a smart head to win the game.

CÂU 40: Which of the following most accurately reflects the author's attitude of the passage?

A. positive. B. neutral. C. sensitive. D. negative.

PHẦN 2. TOÁN HỌC, TƯ DUY LOGIC, PHÂN TÍCH SỐ LIỆU

CÂU 41: Cho tập A có 20 phần tử. Hỏi tập A có bao nhiêu tập hợp con khác rỗng mà có số phần tử là lẻ?

A. $2^{20} - 1$. B. 2^{20} . C. $\frac{2^{20}}{2} - 1$. D. 2^{19} .

CÂU 42: Biết rằng $A_n^2 - C_{n+1}^{n-1} = 4n + 6$. Giá trị của n là bao nhiêu?

A. 12. B. 10. C. 11. D. 13.

CÂU 43: Cho hàm số $y = x^4 - 2x^2 - 2$ (1). Gọi A, B, C lần lượt là ba điểm cực trị của đồ thị hàm số (1). Tính diện tích tam giác ABC (dvdt).

A. $S_{\Delta ABC} = 1$. B. $S_{\Delta ABC} = 2$. C. $S_{\Delta ABC} = 4$. D. $S_{\Delta ABC} = 3$.

CÂU 44: Trong mặt phẳng Oxy, cho các điểm $A(-3; 3), B(1; 4), C(2; -5)$. Tọa độ điểm M thỏa mãn $2\overrightarrow{MA} - \overrightarrow{BC} = 4\overrightarrow{CM}$ là:

A. $M\left(\frac{1}{6}; \frac{5}{6}\right)$. B. $M\left(-\frac{1}{6}; -\frac{5}{6}\right)$. C. $M\left(\frac{1}{6}; -\frac{5}{6}\right)$. D. $M\left(\frac{5}{6}; -\frac{1}{6}\right)$.

CÂU 45: Gọi S là tập nghiệm của bất phương trình $3^{1-x} + 2 \cdot (\sqrt{3})^{2x} \leq 7$. Khi đó S có dạng $[a; b]$ với $a < b$. Tính $P = b + a \log_2 3$.

A. $P = 2$. B. $P = 1$. C. $P = 0$. D. $P = 2 \log_2 3$.

CÂU 46: Có bao nhiêu số tự nhiên n thỏa mãn $A_n^3 + 5A_n^2 = 2(n + 15)$?

A. 3. B. 2. C. 1. D. 0.

CÂU 47: Có 3 bạn nam và 3 bạn nữ được xếp vào một ghế dài có 6 vị trí. Hỏi có bao nhiêu cách xếp sao cho nam và nữ ngồi xen kẽ lẫn nhau?

A. 48. B. 72. C. 24. D. 36.

CÂU 48: Trong không gian Oxyz cho tam giác ABC: biết $A(2, 4, -3); \overrightarrow{AB} = (-3, -1, 1); \overrightarrow{AC} = (2, -6, 6)$. Diện tích tam giác ABC bằng:

A. $20\sqrt{2}$. B. $40\sqrt{2}$. C. $5\sqrt{2}$. D. $10\sqrt{2}$.

CÂU 49: Trên mặt phẳng tọa độ Oxy, tập hợp điểm biểu diễn các số phức z thỏa mãn điều kiện $|zi - (2 + i)| = 2$ là:

A. $(x - 2)^2 + (y - 1)^2 = 4$. B. $(x - 2)^2 + (y + 1)^2 = 4$.
C. $(x - 1)^2 + (y - 2)^2 = 4$. D. $(x - 1)^2 + (y + 2)^2 = 4$.

CÂU 50: Hàm số $f(x)$ liên tục trên $[0; \pi]$ và: $f(\pi - x) = f(x) \forall x \in [0; \pi]$, $\int_0^\pi f(x) dx =$





$\frac{\pi}{2}$. Tính $I = \int_0^{\pi} x \cdot f(x) dx$.

- A. $I = \frac{\pi}{2}$. B. $I = \frac{\pi^2}{2}$. C. $I = \frac{\pi}{4}$. D. $I = \frac{\pi^2}{4}$.

CÂU 51: Giả sử mệnh đề sau đây là đúng: “Nếu trời không mưa, Nam sẽ đi đá bóng”. Mệnh đề này có nghĩa là:

- A. Nam sẽ không đi đá bóng nếu trời mưa.
B. Nam đi đá bóng mặc cho trời mưa.
C. Nam không đi đá bóng vì trời không mưa.
D. Cả 3 mệnh đề A, B, C đều sai.

CÂU 52: Có 4 chiếc xe màu xanh, lam, vàng, đỏ của 4 bạn A, B, C, D (mỗi bạn 1 chiếc xe). A không đi xe màu vàng, C đi xe màu đỏ, D và B không đi xe màu lam. Khẳng định nào sau đây luôn đúng?

- A. B đi xe màu xanh. B. D đi xe màu vàng.
C. A đi xe màu lam. D. A đi xe màu vàng.

Sử dụng thông tin sau để giải câu hỏi 53 đến 56

Giữa các thành phố bao quanh một cái hồ có các con đường nối các thành phố với nhau cụ thể có các con đường hai chiều: giữa M và N, giữa P và Q, giữa Q và S, giữa T và N, giữa R và P, giữa M và Q.

Biết rằng có một con đường một chiều từ R đến M. Các con đường không cắt nhau.

CÂU 53: Để đi từ Q đến R thì bắt buộc phải đi qua thành phố nào?

- A. M. B. N. C. P. D. S.

CÂU 54: Có bao nhiêu cách đi từ thành phố P đến thành phố T? (Biết rằng chỉ đi qua mỗi thành phố đúng một lần)

- A. 0. B. 1. C. 2. D. 3.

CÂU 55: Giả sử có đường hai chiều nối giữa T và S và mỗi lần chỉ được đi qua thành phố đúng một lần thì khẳng định nào sau đây là chắc chắn đúng?

- A. Để đi từ M qua S thì bắt buộc phải đi qua T.
B. Để đi từ P qua T thì bắt buộc phải đi qua R.
C. Để đi từ N qua M nhưng không đi trực tiếp từ M đến N thì phải đi hết tất cả các thành phố còn lại.
D. Để đi từ P đến N nhưng không qua Q thì đi qua M.

CÂU 56: Nếu như giữa thành phố M và N chỉ là đường một chiều thì để đi từ P đến T thì khẳng định nào sau đây chắc chắn đúng? (Biết rằng chỉ qua mỗi thành phố đúng một lần)

- A. Phải đi qua thành phố N. B. Phải đi qua thành phố M.
C. Có thể qua thành phố Q. D. Không thể qua thành phố S.

Sử dụng thông tin sau để giải câu hỏi 57 đến 60

Một cuộc họp thường niên diễn ra gồm 7 người A, B, C, D, E, F, G ngồi vào một dãy bàn dài được đánh số từ 1 đến 7. Biết rằng:





1. A không ngồi ở vị trí số 3 và 6.
2. B không ngồi gần E và G.
3. C không ngồi cạnh D và F.
4. E không ngồi ở vị trí số 1 và 5.

CÂU 57: Thứ tự ngồi nào sau đây là đúng (tính từ ghế 1 đến ghế 7)?

- | | |
|-------------------------|-------------------------|
| A. B, C, F, G, D, A, E. | B. C, E, B, F, G, D, A. |
| C. A, B, C, E, F, D, G. | D. B, A, C, F, D, E, G. |

CÂU 58: Nếu C và B lần lượt ngồi ở vị trí số 3 và số 5 thì khẳng định nào sau đây chắc chắn đúng?

- | | |
|--------------------------|--------------------------|
| A. E ngồi ở vị trí số 2. | B. G ngồi ở vị trí số 2. |
| C. A ngồi ở vị trí số 4. | D. F ngồi ở vị trí số 6. |

CÂU 59: Nếu G và C lần lượt ngồi ở vị trí số 2 và số 4 thì phát biểu nào sau đây có thể đúng?

- | | |
|------------------------|------------------------|
| A. F ngồi vị trí số 6. | B. A ngồi vị trí số 7. |
| C. E ngồi vị trí số 4. | D. Tất cả đều đúng. |

CÂU 60: Với dữ kiện câu 55, nếu B cũng không được ngồi gần C thì phát biểu nào sau đây là chắc chắn đúng?

- | | |
|--------------------------|--------------------------|
| A. B ngồi ở vị trí số 6. | B. A ngồi ở vị trí số 5. |
| C. F ngồi ở vị trí số 1. | D. E ngồi ở vị trí số 7. |



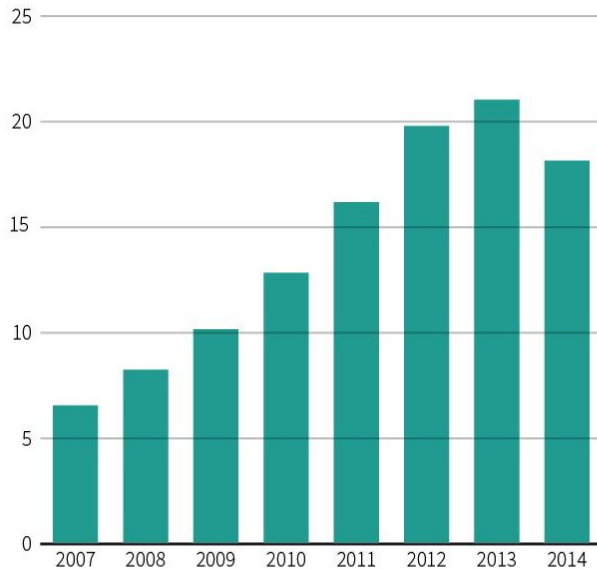


Dựa vào thông tin dưới đây để trả lời các câu từ 61 đến 63:

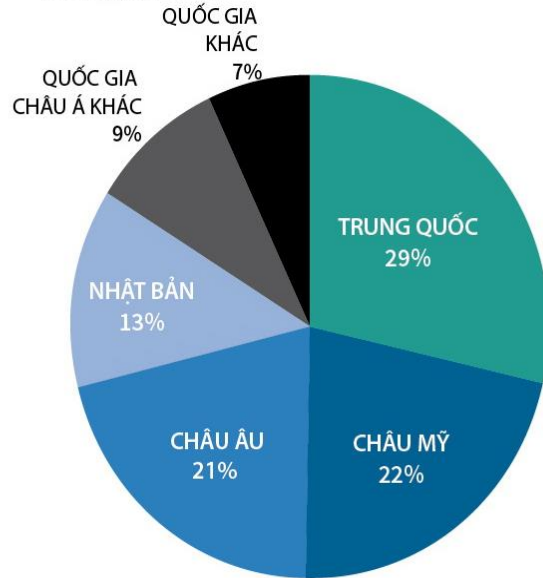
(Nguồn: Thông tấn xã Việt Nam)

Doanh thu hàng xa xỉ của Trung Quốc

DOANH THU HÀNG XA XỈ NỘI ĐỊA CỦA TRUNG QUỐC
Đơn vị: tỷ USD



TIÊU THỤ HÀNG XA XỈ TOÀN CẦU 2014 THEO KHU VỰC
Đơn vị: phần trăm



Nguồn: Reuters; Công ty tư vấn Bain & Co.



CÂU 61: Hàng xa xỉ nội địa của Trung Quốc đạt doanh thu cao nhất vào năm nào?

- A. 2009. B. 2013. C. 2014. D. 2012.

CÂU 62: Doanh thu hàng xa xỉ nội địa của Trung Quốc thu được từ khu vực Châu Âu năm 2014 khoảng bao nhiêu?

- A. 3.78 tỷ USD. B. 3.15 tỷ USD. C. 3.99 tỷ USD. D. 4.15 tỷ USD.

CÂU 63: Nhật Bản chiếm bao nhiêu phần trăm ở khu vực Châu Á trong việc tiêu thụ hàng xa xỉ nội địa của Trung Quốc?

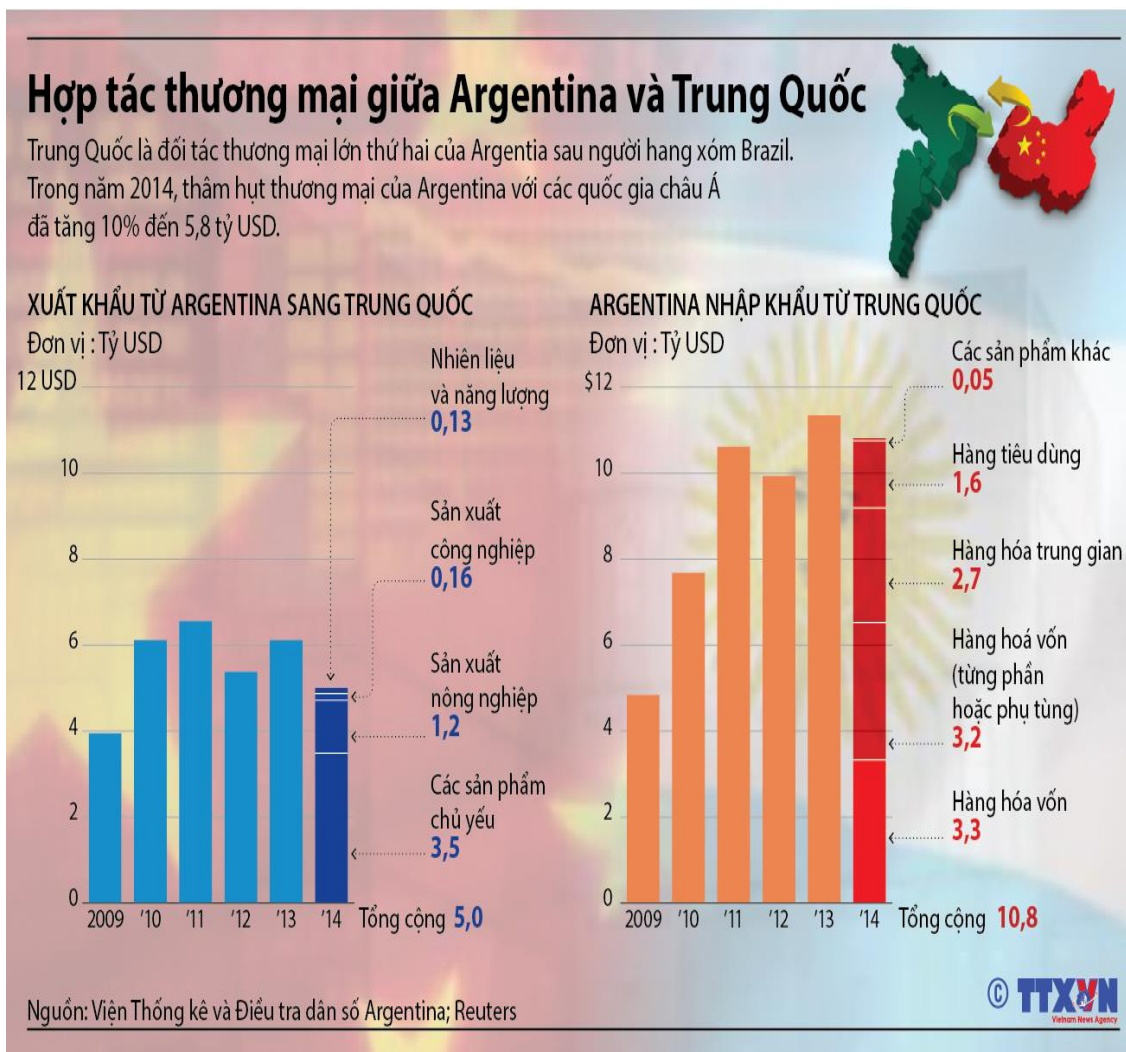
- A. 13%. B. 25.5%. C. 22.4%. D. 34.2%.





Dựa vào thông tin dưới đây để trả lời các câu từ 64 đến 67:

(Nguồn: Thông tấn xã Việt Nam)



CÂU 64: Đối tác thương mại lớn nhất của Argentina thuộc quốc gia nào?

- A. Nhật Bản. B. Mexico. C. Trung Quốc. D. Brazil.

CÂU 65: Đâu không phải là mặt hàng xuất khẩu của Argentina sang Trung Quốc?

- A. Sản xuất nhiên liệu và năng lượng. B. Sản xuất nông nghiệp.
C. Sản xuất công nghiệp. D. Sản xuất hàng tiêu dùng.

CÂU 66: Những mặt hàng nào là chủ yếu trong xuất khẩu và nhập khẩu, so với nhập khẩu thì xuất khẩu bằng bao nhiêu phần trăm vào năm 2014?

- A. Các sản phẩm chủ yếu, hàng tiêu dùng, 94.3%.
B. Các sản phẩm khác, hàng hóa trung gian, 46.3%.
C. Các sản phẩm chủ yếu, hàng hóa vốn, 46.3%.
D. Các sản phẩm khác, hàng hóa vốn, 94.3%.





CÂU 67: Những năm nào có xuất khẩu hoặc nhập khẩu đạt giá trị lớn nhất?

A. 2011, 2003.

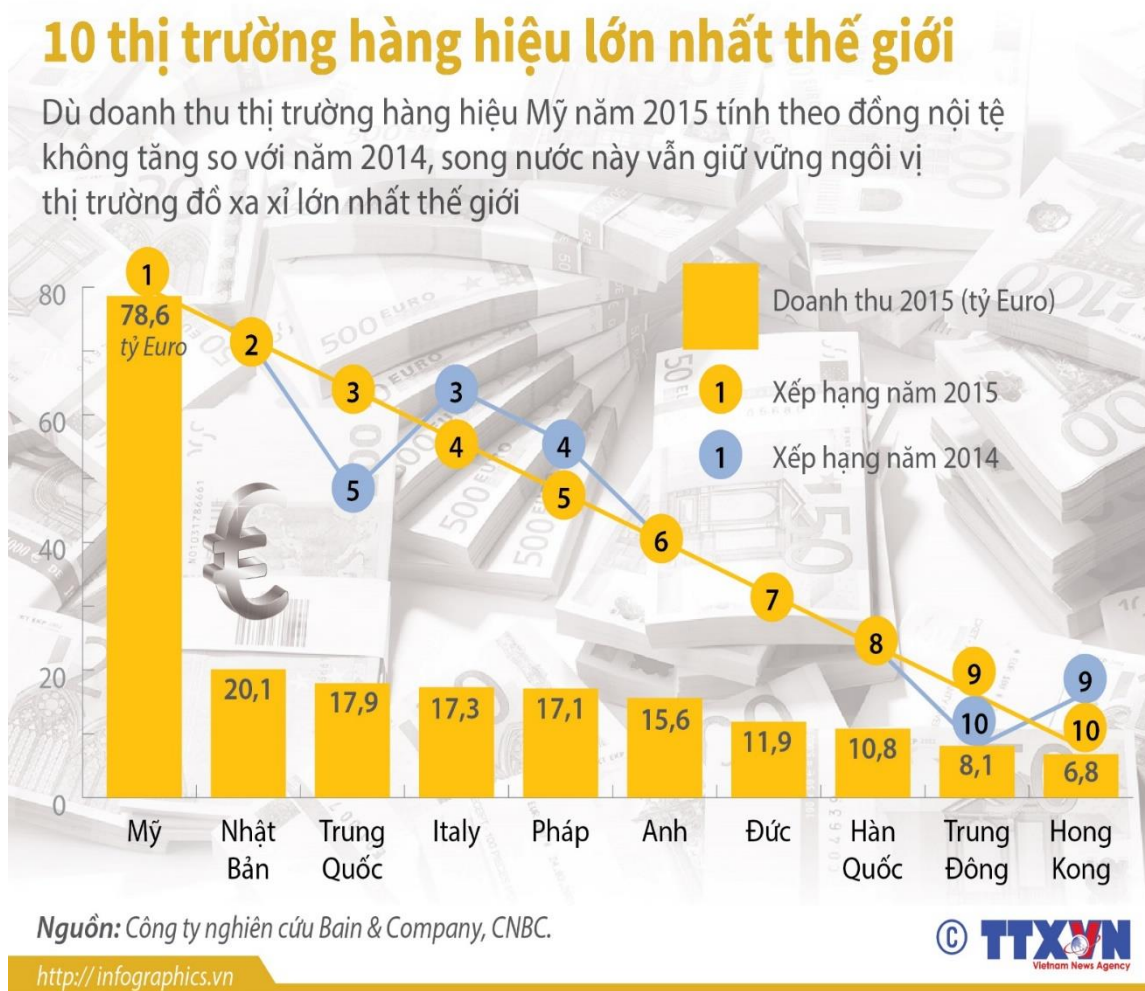
B. 2011, 2013.

C. 2001, 2014.

D. 2012, 2013.

Dựa vào thông tin dưới đây để trả lời các câu từ 68 đến 70:

(Nguồn: Thông tấn xã Việt Nam)





CÂU 68: Đâu không phải là thị trường hàng hiệu lớn nhất thế giới?

- A. Mỹ. B. Đài Loan. C. Hàn Quốc. D. Nhật Bản.

CÂU 69: Những quốc gia nào vẫn giữ được xếp hạng so với năm 2014?

- A. Đức, Hàn Quốc, Nhật Bản, Anh, Mỹ.
B. Hàn Quốc, Pháp, Anh, Mỹ, Trung Quốc.
C. Trung Quốc, Italy, Pháp, Trung Đông, Hong Kong.
D. Nhật Bản, Mỹ, Hong Kong, Đức, Italy.

CÂU 70: Có bao nhiêu khu vực ở Đông Á thuộc thị trường hàng hiệu lớn nhất thế giới và những khu vực này có tổng doanh thu năm 2015 bằng bao nhiêu phần trăm so với doanh thu của Mỹ?

- A. 5, 72.4%. B. 5, 81%. C. 4, 70.74%.
D. 4, 72.4%.

PHẦN 3. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ

CÂU 71: Cho cân bằng hóa học: $\text{CH}_4(\text{khí}) + \text{H}_2\text{O}(\text{khí}) \rightleftharpoons \text{CO}(\text{khí}) + 3\text{H}_2(\text{khí})$. Khi giảm nhiệt độ thì tỉ khối của hỗn hợp khí so với H_2 giảm đi. Phát biểu đúng khi nói về cân bằng này là:

- A. Phản ứng thuận tỏa nhiệt, cân bằng chuyển dịch theo chiều nghịch khi tăng nhiệt độ.
B. Phản ứng thuận thu nhiệt, cân bằng chuyển dịch theo chiều nghịch khi tăng nhiệt độ
C. Phản ứng nghịch thu nhiệt, cân bằng chuyển dịch theo chiều thuận khi tăng nhiệt độ
D. Phản ứng nghịch tỏa nhiệt, cân bằng chuyển dịch theo chiều thuận khi giảm nhiệt độ

CÂU 72: Cho một miếng Zn vào dung dịch chứa NaOH và NaNO_3 ta thu được hỗn hợp 2 khí:

- A. NO_2 ; NO. B. NH_3 ; H_2 . C. NH_3 , NO_2 . D. NO_2 ; N_2O .

CÂU 73: Hợp chất hữu cơ X có CTPT $\text{C}_4\text{H}_8\text{O}_2$ mạch thẳng thỏa mãn các tính chất sau:

- X làm mất màu dung dịch Br_2
- Cho 4,4 gam X tác dụng với Na dư thu được 0.56 lít H_2 (đktc)
- Oxi hóa X bởi CuO, to tạo ra sản phẩm Y là hợp chất đa chức

Công thức cấu tạo của X là?

- A. $\text{HO}-\text{CH}_2-\text{CH}(\text{CH}_3)-\text{CHO}$. B. $\text{HO}-(\text{CH}_2)_3-\text{CH}=\text{O}$.
C. $\text{CH}_2=\text{CH}-\text{CH}(\text{OH})-\text{CH}_2\text{OH}$. D. $\text{CH}_3-\text{CH}_2-\text{CO}-\text{CHO}$.

CÂU 74: Hiện nay CFC (Clorocacbon) bị hạn chế sử dụng trên phạm vi toàn thế giới do chúng gây ra hiện tượng:

- A. Hiệu ứng nhà kính. B. Mưa axit.
C. Ô nhiễm môi trường nước. D. Thủng tầng Ozone.

CÂU 75: Một con lắc đơn có chiều dài $l = 90\text{cm}$, khối lượng vật nặng $m = 60\text{g}$ dao động điều hoà. Lấy $g = 10\text{ m/s}^2$. Tỉ số giữa lực căng dây cực đại và cực tiểu là 4. Cơ năng (J) con





lắc bằng:

- A. 2,7. B. 0,27. C. 0,135. D. 1,35.

CÂU 76: Tổng hợp hạt nhân heli ${}^4_2\text{He}$ từ phản ứng hạt nhân ${}^1_1\text{H} + {}^7_3\text{Li} \rightarrow {}^4_2\text{He} + X$. Mỗi phản ứng trên tỏa năng lượng 17,3 MeV. Năng lượng tỏa ra khi tổng hợp được 0,5 mol heli là:

- A. $1,3 \cdot 10^{24}$ MeV. B. $2,6 \cdot 10^{24}$ MeV. C. $5,2 \cdot 10^{24}$ MeV. D. $2,4 \cdot 10^{24}$ MeV.

CÂU 77: Cho một đoạn mạch nối tiếp gồm một cuộn dây thuần cảm, tụ điện có điện dung không đổi và một biến trở R. Đặt vào hai đầu đoạn mạch một điện áp xoay chiều ổn định. Thay đổi R thấy khi $R = 24 \Omega$ công suất tiêu thụ cực đại trong đoạn mạch là 200 W. Khi $R = 18 \Omega$ thì mạch tiêu thụ công suất bằng:

- A. 192. B. 197. C. 176. D. 182.

CÂU 78: Thiết bị không hoạt động theo nguyên tắc của hiện tượng cảm ứng điện từ là:

- A. máy biến áp. B. quạt điện.
C. nam châm điện. D. bếp từ.

Dựa vào thông tin dưới đây để trả lời các câu từ 91 đến 93:

Hóa học và màu sắc

Không có một giả thuyết màu thống nhất nào. Tuy nhiên ta có thể dẫn ra một số quy luật cho thấy màu sắc gắn liền với cấu tạo phân tử. Màu có liên quan với tính linh động của electron trong phân tử của chất và với khả năng chuyển của electron sang những mức còn tự do khi hấp thụ năng lượng của lượng tử ánh sáng.

Có những điểm khác nhau về nguyên tắc giữa các cơ chế xuất hiện màu ở các kim loại, ở các hợp chất vô cơ và trong các phân tử hữu cơ. Mặc dù trong tất cả các trường hợp, màu phát sinh là do tương tác của các lượng tử ánh sáng với electron trong các phân tử của chất, nhưng vì trạng thái của electron trong kim loại và không kim loại trong các hợp chất hữu cơ và vô cơ là khác nhau, nên cơ chế xuất hiện màu cũng khác nhau. Đối với màu của kim loại thì điều quan trọng là tính đồng đều của mạng lưới tinh thể và khả năng chuyển động tương đối tự do của electron trong toàn bộ cục kim loại. Màu của đa số các chất vô cơ được quyết định bởi các bước chuyển electron và do đó bởi sự chuyển điện tích từ nguyên tử của nguyên tố này sang nguyên tử của nguyên tố khác. Đóng vai trò cơ bản, quyết định trong trường hợp này là trạng thái hóa trị của nguyên tố, là lớp vỏ electron ngoài cùng của nó. Không phải tất cả các chất hữu cơ đều có màu. Tuy nhiên, ở những chất có màu, trong cấu trúc phân tử có điểm giống nhau về nguyên tắc. Tất cả chúng thường là những phân tử lớn gồm hàng chục nguyên tử. Có ý nghĩa đối với sự xuất hiện màu không phải là các electron của những nguyên tử riêng biệt, mà là trạng thái của hệ electron bao trùm toàn bộ phân tử. Độ linh động của hệ này, khả năng dễ dàng thay đổi trạng thái của nó dưới tác động nhỏ của các lượng tử ánh sáng cũng quyết định sự hấp thụ chọn lọc các sóng xác định của tổ hợp tạo ra ánh sáng trông thấy.

Để hiểu được sự phụ thuộc của màu sắc vào cấu tạo, ta cần phải xét xem các đặc điểm trạng thái năng lượng ở các electron của một kiểu phân tử nào đó là như thế nào.

(trích Hóa học và màu sắc – G.N Fedeev)





CÂU 91: Tìm phát biểu đúng

- A. Tất cả mọi chất đều có màu.
- B. Người ta dựa vào cấu tạo phân tử để cho ra một cơ chế về màu chung cho mọi chất.
- C. Các chất có màu là bởi vì tương tác giữa ánh sáng và electron trong phân tử của chất.
- D. Tính linh động của electron trong phân tử không ảnh hưởng đến màu của chất.

CÂU 92: Người ta dựa vào đâu để xem xét sự liên quan giữa màu sắc và cấu tạo của một chất vô cơ:

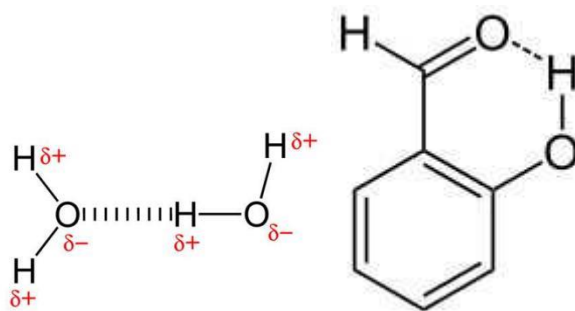
- A. Hóa trị.
- B. Lớp vỏ electron.
- C. Số electron.
- D. Cấu hình electron.

CÂU 93: Người ta dựa vào đâu để xem xét sự liên quan giữa màu sắc và cấu tạo của một chất hữu cơ:

- A. Hóa trị
- B. Cấu hình electron của một chất.
- C. Trạng thái của hệ electron.
- D. Độ linh động của hệ electron.

Dựa vào thông tin dưới đây để trả lời các câu từ 94 đến 96:

Liên kết hydro là một dạng lực hút giữa các phân tử cực nhất định. nó là một loại liên kết yếu hơn liên kết ion hoặc cộng hóa trị, nhưng là lực hút mạnh khi so sánh với lực lưỡng cực - lực lưỡng cực và lực Van der Waal. Một liên kết hydro được hình thành nếu phân tử phân cực có nguyên tử có độ âm điện mạnh có cặp electron đơn độc (có thể đóng vai trò là người cho điện tử) liên kết với nguyên tử hydro (chất nhận điện tử). do nguyên tử có độ âm điện mạnh có thể thu hút các electron liên kết ngang với chính nó so với nguyên tử hydro, nguyên tử hydro nhận được điện tích dương một phần, dẫn đến sự phân tách điện tích mạnh. Do đó, liên kết hydro hình thành liên kết hóa học là liên kết O - H, liên kết N - H và liên kết F - H. Có hai dạng liên kết hydro có thể được hình thành; Liên kết hydro liên phân tử xảy ra giữa các phân tử cực và liên kết hydro nội phân tử xảy ra trong cùng một phân tử. Các **sự khác biệt chính** giữa liên kết hydro liên phân tử và nội phân tử là: **Liên kết hydro liên phân tử xảy ra ở giữa hai phân tử trong khi liên kết hydro nội phân tử xảy ra trong một phân tử.**



CÂU 94: Liên kết hóa học giữa các nguyên tử trong phân tử H₂O là liên kết

- A. Cộng hóa trị không phân cực
- B. Hidro
- C. Cộng hóa trị phân cực
- D. Ion





CÂU 95: Các cặp chất dễ hình thành liên kết hidro là:

- A. C-H; O-H. B. O-H, Al-O. C. O-H, F-H. D. N-S, O-H.

CÂU 96: Lí do H_2S tồn tại thể khí còn H_2O tồn tại thể lỏng là

- A. Phân tử H_2S có nguyên tử S lớn hơn nguyên tử O nên cách xa các nguyên tử H hơn.
B. Vì H_2O tạo được liên kết hidro nội phân tử còn H_2S không tạo được liên kết hidro.
C. Vì H_2O tạo được liên kết hidro liên phân tử còn H_2S không tạo được liên kết hidro
D. Vì liên kết hidro liên phân tử của H_2O bền hơn liên kết hidro liên phân tử của H_2S .

Dựa vào thông tin dưới đây để trả lời các câu từ 97 đến 99:

Tụ điện là một loại linh kiện điện tử thụ động, là một hệ hai vật dẫn và ngăn cách nhau bởi một lớp cách điện. Khi có chênh lệch điện thế tại hai bề mặt, tại các bề mặt sẽ xuất hiện điện tích cùng điện lượng nhưng trái dấu.

Sự tích tụ của điện tích trên hai bề mặt tạo ra khả năng tích trữ năng lượng điện trường của tụ điện. Khi chênh lệch điện thế trên hai bề mặt là điện thế xoay chiều, sự tích lũy điện tích bị chậm pha so với điện áp, tạo nên trở kháng của tụ điện trong mạch điện xoay chiều.

Về mặt lưu trữ năng lượng, tụ điện có phần giống với ắc quy. Mặc dù cách hoạt động của chúng thì hoàn toàn khác nhau, nhưng chúng đều cùng lưu trữ năng lượng điện. Ắc quy có 2 cực, bên trong xảy ra phản ứng hóa học để tạo ra electron ở cực này và chuyển electron sang cực còn lại. Tụ điện thì đơn giản hơn, nó không thể tạo ra electron - nó chỉ lưu trữ chúng. Tụ điện có khả năng nạp và xả rất nhanh. Đây là một ưu thế của nó so với ắc quy.

Cấu tạo của tụ điện bao gồm:

- Ít nhất hai dây dẫn điện thường ở dạng tấm kim loại. Hai bề mặt này được đặt song song với nhau và được ngăn cách bởi một lớp điện môi.
- Điện môi sử dụng cho tụ điện là các chất không dẫn điện gồm thủy tinh, giấy, giấy tẩm hoá chất, gốm, mica, màng nhựa hoặc không khí. Các điện môi này không dẫn điện nhằm tăng khả năng tích trữ năng lượng điện của tụ điện.

Tùy thuộc vào chất liệu cách điện ở giữa bản cực thì tụ điện có tên gọi tương ứng. Ví dụ như nếu như lớp cách điện là không khí ta có tụ không khí, là giấy ta có tụ giấy, còn là gốm ta có tụ gốm và nếu là lớp hóa chất thì cho ta tụ hóa.

(Nguồn: Internet)

CÂU 97: Tụ điện hoạt động theo nguyên lý nào?

- A. Chênh lệch cường độ dòng điện ở 2 bản tụ khiến 2 bản có điện tích trái dấu.
B. Chênh lệch pha dao động ở 2 bản tụ khiến 2 bản có điện tích trái dấu.
C. Chênh lệch điện thế ở 2 bản tụ khiến 2 bản có điện tích cùng dấu.
D. Chênh lệch điện thế ở 2 bản tụ khiến 2 bản có điện tích trái dấu.

CÂU 98: Cấu tạo chính của tụ điện gồm mấy phần?





A. 1.

B. 2.

C. 3.

D. 4

CÂU 99: Một tụ điện có điện dung $C = 3 \text{ (F)}$, điện áp 2 đầu các bản tụ là 5 (V) . Điện tích tụ điện tích được là bao nhiêu?

A. 0,6 (C).

B. 6 (C).

C. 15 (C).

D. 1,67 (C).

Dựa vào thông tin dưới đây để trả lời các câu từ 100 đến 102:

Gương cầu lồi, gương mắt cá hoặc gương phân kì, là gương có bề mặt là một phần của hình cầu và bề mặt cong phản xạ hướng về phía nguồn sáng. Gương cầu lồi là loại gương phình ra ở rìa ngoài, phản xạ ở gần rìa có góc rộng hơn so với ở trong tâm tạo ra ảnh ảo và nhỏ hơn so với vật thật.

- Gương cầu lồi luôn cho ảnh ảo, cùng chiều và nhỏ hơn vật vì cả tiêu điểm (F) và tâm của gương (O) đều nằm khác phía với ảnh thật. Ảnh càng lớn nếu vật đặt càng gần bề mặt phản xạ và tiến tới xấp xỉ bằng kích thước của vật khi vật tiến sát bề mặt phản xạ.
- Vùng nhìn thấy của gương cầu lồi rộng hơn vùng nhìn thấy của gương phẳng có cùng kích thước và vị trí đặt mắt.
- Gương cầu lồi có thể biến một chùm tia tới song song thành chùm tia phản xạ phân kì, từ chùm tia tới hội tụ thành chùm tia phản xạ phân kì hay song song.
- Ảnh ảo của gương cầu lồi không hứng được trên màn chắn.
- Khoảng cách từ ảnh tới gương cầu lồi nhỏ hơn khoảng cách từ vật tới gương.
- Ảnh nhỏ hơn vật.

(Nguồn: Internet)

CÂU 100: Ảnh tạo bởi gương cầu lồi có tính chất:

A. ảo, nhỏ hơn vật.

B. ảo, lớn hơn vật.

C. thật, nhỏ hơn vật.

D. thật, lớn hơn vật.

CÂU 101: Ảnh tạo bởi gương cầu lõm không có tính chất:

A. ảo, nhỏ hơn vật.

B. ảo, lớn hơn vật.

C. thật, nhỏ hơn vật.

D. thật, lớn hơn vật.

CÂU 102: Gương cầu lồi được ứng dụng trong:

A. gương chiếu hậu.

B. kính thiên văn.

C. đun nước nhờ ánh sáng mặt trời.

D. pha đèn.

Dựa vào thông tin dưới đây để trả lời các câu từ 103 đến 105:

Năm 1909, Coren (Correns) là người đầu tiên đã tiến hành các phép lai thuận nghịch ở cây hoa phấn (*Mirabilis jalapa*) và đã phát hiện ra kết quả lai khác biệt với các phép lai của Mendel. Thí nghiệm được tóm tắt như sau:

P: ♀ Cây lá đỏm × ♂ Cây lá xanh

P: ♀ Cây lá xanh × ♂ Cây lá đỏm





F₁: 100% cây lá đỏm

F₁: 100% cây lá xanh

CÂU 103: Từ thí nghiệm trên, ta có thể nhận xét được điều gì?

- A. Giao tử đực hầu như không truyền tế bào chất cho trứng.
- B. Gen quy định tính trạng nằm ở trong nhân.
- C. Giao tử cái chỉ truyền tế bào chất, không truyền nhân.
- D. Không thể kết luận được điều gì.

CÂU 104: Dựa vào kết quả của thí nghiệm, có bao nhiêu kết luận sau đây là đúng?

- A. Kiểu hình của con luôn luôn giống với kiểu hình của mẹ.
- B. Kiểu gen của con luôn luôn giống với kiểu gen của mẹ.
- C. Gen trong tế bào chất của con do tế bào chất của ba và mẹ truyền cho.
- D. Gen trong tế bào chất của đời con luôn giống với gen trong tế bào chất của tế bào mẹ.

CÂU 105: Nếu có một gen nằm trong ti thể của mẹ bị đột biến điểm làm cho các ti thể không sản sinh được đủ ATP nên tế bào bị chết và các mô bị thoái hóa, đặc biệt là các mô thần kinh và cơ, biết ti thể của bố thì bình thường thì đời sau sẽ như thế nào?

- A. Bình thường, không bị ảnh hưởng gì vì còn ti thể bình thường của bố.
- B. Khả năng cao có các hội chứng về cơ và thần kinh như bệnh động kinh vì con cái chỉ nhận ti thể của mẹ, không nhận ti thể từ bố.
- C. Không thể kết luận được điều gì.
- D. Không có đáp án nào đúng.

Dựa vào thông tin dưới đây để trả lời các câu từ 106 đến 108:

Từ năm 1941, người ta đã sử dụng penicilin để tiêu diệt một cách có hiệu quả vi khuẩn tụ cầu vàng nhưng đến năm 1944 đã xuất hiện một chủng loại kháng lại penicilin và đến năm 1992 thì trên 95% các chủng vi khuẩn tụ cầu vàng trên thế giới có khả năng kháng lại penicilin và các thuốc khác có cấu trúc tương tự.

Khả năng kháng thuốc lại xuất hiện là do một số vi khuẩn tụ cầu vàng có gen đột biến làm thay đổi cấu trúc thành tế bào làm cho thuốc không thể bám vào thành tế bào. Gen đột biến kháng thuốc nhanh chóng lan rộng trong quần thể không chỉ bằng cách truyền từ tế bào vi khuẩn mẹ sang tế bào vi khuẩn con qua quá trình sinh sản (được gọi là truyền theo hàng dọc) mà còn truyền từ tế bào vi khuẩn này sang tế bào vi khuẩn khác (truyền theo hàng ngang). Sự lan truyền đó bằng các cơ chế như biến nạp (gen kháng thuốc từ môi trường trực tiếp xâm nhập vào tế bào vi khuẩn mẫn cảm với thuốc) hoặc thông qua virus, gen kháng thuốc có thể được truyền từ vi khuẩn này sang vi khuẩn khác (tải nạp) của cùng một loài hoặc giữa các loài.

CÂU 106: Từ thông tin trên, cho biết đó là quá trình chọn lọc tự nhiên (CLTN) hình thành quần thể thích nghi. Vậy ý nào sau đây là đúng với chọn lọc tự nhiên?

- A. Dưới tác dụng của bộ lọc tự nhiên các quần áo có thể có vốn gen thích nghi hơn sẽ thay





thể những quần áo có thể kém thích nghi.

B. Mặt chủ yếu của CLTN là sự phân tích khả năng sinh của các loại gen khác nhau trong quần thể.

C. CLTN không chỉ tác động với từng gen riêng rẽ mà tác động với toàn bộ gen, không tác động với từng gen riêng rẽ mà còn đối với cả quần thể.

D. CLTN bảo đảm cuộc sống và sinh sản ưu tiên của những cá thể mang các gen đột biến trung tính, qua đó làm thay đổi các biến đổi thành phần kiểu gen của quần thể.

CÂU 107: Các loài vi khuẩn thường kháng thuốc nhanh, khi nói đến điều này ý nào sau đây là sai?

A. Vi khuẩn có cách để làm hạn chế việc xâm nhập của các kháng sinh vào bên trong tế bào vi khuẩn.

B. Quá trình sinh sản một cách nhanh chóng đã làm tăng số lượng vi khuẩn.

C. Dễ dàng truyền theo các hình thức khác nhau.

D. Hệ gen của mỗi tế bào chỉ có một phân tử ARN nên alen đột biến có thể biểu hiện ngay ra kiểu hình.

CÂU 108: Quá trình hình thành quần thể thích nghi xảy ra nhanh hay chậm phụ thuộc vào?

A. Quá trình phát sinh và tích lũy các gen đột biến ở mỗi loài.

B. Áp lực chọn lọc tự nhiên.

C. Tốc độ sinh sản của loài.

D. Môi trường.

Dựa vào thông tin dưới đây để trả lời các câu từ 109 đến 111:

(...) Việt Nam là nước có quy mô dân số lớn, tháp dân số tương đối trẻ và bắt đầu bước vào thời kỳ “cơ cấu dân số vàng” với nguồn nhân lực dồi dào nhất từ trước đến nay. Tính đến hết năm 2017, dân số nước ta đạt 96,02 triệu người, trong đó nữ chiếm khoảng 48,94%. Gia tăng dân số trong những năm qua kéo theo gia tăng về lực lượng lao động. Nhìn chung, mỗi năm Việt Nam có khoảng gần 1 triệu người bước vào độ tuổi lao động, đây là một lợi thế cạnh tranh quan trọng của Việt Nam trong việc thu hút đầu tư nước ngoài góp phần phát triển kinh tế - xã hội.

Xét cơ cấu lực lượng lao động theo giới tính, tỷ lệ lao động nam lại nhiều hơn nữ với trên 50% lao động là nam giới. Tuy nhiên, sự chênh lệch này không đáng kể và cho thấy lao động nữ chiếm một lượng đông đảo. Tỷ lệ thất nghiệp của lao động nữ khá cao so với lao động nam do hạn chế về sức khỏe, những mâu thuẫn giữa sinh đẻ và làm việc, cơ hội tìm được việc làm vừa ý sau khi sinh là thấp.

Hiện nay, lực lượng lao động vẫn tập trung đông nhất ở khu vực Đồng bằng sông Hồng (chiếm trên 22%), tiếp đến là khu vực Bắc trung bộ, Duyên hải miền Trung (trên 21%) và Đồng bằng sông Cửu Long. Đây là các khu vực có diện tích đất rộng, tập trung nhiều thành phố lớn, khu đô thị và nhiều khu công nghiệp, thuận lợi cho việc sản xuất kinh doanh nên thu





hút đông đảo lao động tập trung ở những khu vực này. Những khu vực chiếm tỷ lệ thấp, là những khu vực có diện tích đất hẹp, nhiều đồi núi, ít khu đô thị và khu công nghiệp nên không thu hút nhiều lao động đến đây.

Cơ cấu lực lượng lao động phân theo 2 khu vực thành thị và nông thôn cũng có sự chênh lệch lớn. Nhìn chung, lực lượng lao động ở nước ta chủ yếu tập trung ở khu vực nông thôn, chiếm khoảng gần 70%. Con số này có xu hướng giảm qua các năm nhưng vẫn ở mức cao. Cả nước hiện có khoảng 17 triệu thanh niên nông thôn có độ tuổi từ 15-30, chiếm 70% số thanh niên và 60% lao động nông thôn. Tuy nhiên, 80% trong số này chưa qua đào tạo chuyên môn. Đặc điểm này là trở ngại lớn cho lao động nông thôn trong tìm kiếm việc làm. Tính đến năm 2017, dân số trong độ tuổi lao động của Việt Nam là hơn 72,04 triệu người (chiếm khoảng 75% tổng dân số cả nước), trong đó, tỷ lệ tham gia lực lượng lao động đạt 75,5%, với 54,4 triệu người. So với năm 2010 (tỷ lệ tham gia lực lượng lao động là 75%), lực lượng lao động tính đến năm 2017 tăng cả về tỷ lệ và số lượng tuyệt đối....

(Nguồn: laodongphothong.vn)

CÂU 109: Khu vực tập trung đông lực lượng lao động là?

- A. Đồng bằng sông Hồng.
- B. Đồng bằng sông Cửu Long.
- C. Trung du miền núi Bắc bộ.
- D. Bắc Trung Bộ.

CÂU 110: Nguyên nhân chủ yếu khiến tỉ lệ thiếu việc làm ở nông thôn nước ta còn cao là:

- A. Sản xuất nông nghiệp mang tính mùa vụ, hoạt động phi nông nghiệp còn hạn chế
- B. Tỷ lệ lao động qua đào tạo ở nông thôn thấp
- C. Lực lượng lao động tập trung quá đông ở khu vực nông thôn.
- D. Đầu tư khoa học kỹ thuật làm tăng năng suất lao động

CÂU 111: Mỗi năm nguồn lao động nước ta tăng thêm?

- A. Khoảng 1 triệu lao động.
- B. Khoảng 2 triệu lao động.
- C. Khoảng 3 triệu lao động.
- D. Khoảng 4 triệu lao động.

Dựa vào thông tin dưới đây để trả lời các câu từ 112 đến 114:

G20 hay Nhóm 20 (tiếng Anh: Group of Twenty) là diễn đàn quốc tế chính thức dành cho các Nguyên thủ và Thống đốc ngân hàng trung ương đến từ 19 nền kinh tế hàng đầu trên thế giới cùng với Liên minh châu Âu (EU). G20 được thành lập vào năm 1999 với mục đích nhằm thảo luận về những vấn đề kinh tế quan trọng, thúc đẩy các chính sách liên quan đến việc ổn định tình hình tài chính quốc tế cũng như định hướng phát triển cho nền kinh tế toàn cầu. G20 đã mở rộng chương trình nghị sự của mình từ năm 2008, hiện nay, không chỉ có các Nguyên thủ quốc gia mà các Bộ trưởng tài chính, Bộ trưởng ngoại giao của các nước thành viên cũng đã gặp gỡ định kỳ, trao đổi và tham gia thảo luận tại hội nghị kể từ đó đến nay.

G20 hiện đang chiếm hơn 90% trong tổng quy mô của toàn bộ nền kinh tế thế giới, các quốc gia thành viên bao gồm: Hoa Kỳ, Nhật Bản, Đức, Anh, Pháp, Ý, Canada (nhóm G7), Hàn Quốc, Úc (2 nước phát triển nhưng không phải là thành viên G7), Brasil, Nga, Ấn Độ, Trung Quốc,





Nam Phi, México, Indonesia, Argentina, Ả Rập Xê Út, Thổ Nhĩ Kỳ (các nước công nghiệp mới đang phát triển) cùng với một thành viên đặc biệt là Liên minh châu Âu (EU).

(Nguồn: Internet)

CÂU 112: Nước nào sau đây không phải là thành viên của G20?

- A. Hoa Kỳ. B. Singapore. C. Brasil. D. Indonesia.

CÂU 113: G20 thành lập vào?

- A. Năm 1990. B. Năm 1999. C. Năm 2008. D. Năm 2009.

CÂU 114: Mục đích của G20 là?

Thảo luận về những vấn ĐỀ 1 kinh tế quan trọng, thúc đẩy các chính sách liên quan đến việc ổn định tình hình tài chính quốc tế cũng như định hướng phát triển cho nền kinh tế toàn cầu.

Thảo luận về những vấn ĐỀ 1 chính trị quan trọng, thúc đẩy các chính sách liên quan đến việc ổn định tình hình tài chính quốc tế cũng như định hướng phát triển cho nền kinh tế toàn cầu.

Thảo luận về những vấn ĐỀ 1 kinh tế quan trọng, thúc đẩy các chính sách liên quan đến việc ổn định tình hình kinh tế quốc tế cũng như định hướng phát triển cho nền kinh tế toàn cầu.

Thảo luận về những vấn ĐỀ 1 tài chính quan trọng, thúc đẩy các chính sách liên quan đến việc ổn định tình hình tài chính quốc tế cũng như định hướng phát triển cho nền kinh tế toàn cầu.

Dựa vào thông tin dưới đây để trả lời các câu từ 115 đến 117

Cuộc tấn công bất ngờ

7 giờ 55 ngày 7.12.1941, lực lượng hùng hậu 183 máy bay của hải quân đế quốc Nhật bất ngờ tấn công căn cứ hải quân Mỹ tại Trân Châu cảng, gần TP. Honolulu trên đảo Oahu, tiểu bang Hawaii. Vào thời điểm đó, Mỹ vẫn giữ tính trung lập trong Thế chiến 2 và hoàn toàn không chuẩn bị cho cuộc tấn công này.

Các máy bay cất cánh từ 6 tàu sân bay Nhật mở đợt tấn công đầu tiên nhắm vào các nhà chứa máy bay và những chiếc máy bay đậu trên đường băng, đồng thời thả ngư lôi xuống các tàu chiến đang neo tại cảng. Chỉ trong 5 phút, 4 chiến hạm Mỹ bị trúng bom. Một quả bom rơi vào kho đạn của tàu USS Arizona khiến con tàu phát nổ và chìm cùng hơn 1.000 thủy thủ. Đợt tấn công nặng nề hơn xảy ra sau đó khoảng 90 phút với 170 máy bay Nhật.





Các máy bay bị hư hại sau cuộc tấn công ngày 7.12.1941

Mặc dù hoàn toàn bất ngờ nhưng nhiều quân nhân Mỹ cũng đã kịp chống trả. Nổi bật là “anh nuôi” Doris Miller trên chiến hạm USS West Virginia, người đã giúp đưa hạm trưởng bị thương đến nơi an toàn, sau đó sử dụng khẩu súng máy phòng không bắn rơi nhiều máy bay địch dù không được huấn luyện cho nhiệm vụ này, theo tư liệu của Bảo tàng Chiến tranh đế quốc (Anh). Sau khi chiến hạm bị chìm, ông Miller giúp cứu mạng nhiều đồng đội bị thương. Một năm sau đó, ông Miller được trao huân chương cao quý thứ hai trong hải quân vì hành động dũng cảm. Tên ông được đặt cho một tàu khu trục vào năm 1973 và sắp tới là tàu sân bay hạt nhân hiện đại nhất của hải quân Mỹ.

Những người góp công nổi bật trong sự kiện còn có hai phi công Kenneth Taylor và George Welch đã lái máy bay bắn hạ tổng cộng 7 máy bay địch và được nhận huân chương cao thứ hai của không lực lục quân Mỹ.

Chỉ trong 2 giờ, gần 20 tàu chiến Mỹ bị chìm hoặc hư hại, hơn 300 máy bay bị phá hủy và 2.403 quân nhân, dân thường thiệt mạng, số người bị thương hơn 1.100. Nhiều tàu chiến đã được sửa chữa và quay trở lại chiến đấu trong các trận đánh sau đó. Đặc biệt, cả 3 tàu sân bay của Hạm đội Thái Bình Dương đều không có mặt tại Trân Châu cảng vào thời điểm cuộc tấn công xảy ra và về sau đóng vai trò then chốt trong chiến dịch đáp trả của quân đội Mỹ.





Thuyền nhỏ cứu một thủy thủ bơi ra từ tàu USS West Virginia đang cháy

HẢI QUÂN MỸ

Bước ngoặt của Thế chiến 2

Trận Trân Châu cảng được cho là cột mốc then chốt của Thế chiến 2. Trong hơn 2 năm của cuộc chiến tranh, Mỹ chủ yếu hỗ trợ Anh và không can thiệp vào cuộc chiến vì lo ngại tác động của cuộc đại suy thoái và những ký ức mất mát trong Thế chiến 1.

Tuy nhiên, những mâu thuẫn trong mối quan hệ căng thẳng giữa Mỹ và Nhật trong nhiều năm trước đó, cộng với diễn biến trong Thế chiến 2, khiến cuộc tấn công Trân Châu cảng gần như là sự kiện không thể tránh khỏi, theo Mạng truyền hình History.

Sự bành trướng của đế quốc Nhật tại Trung Quốc và Đông Dương, cộng với việc nước này gia nhập liên minh với Đức và Ý đã để lại hậu quả là những đòn cấm vận xăng dầu và kinh tế từ Mỹ. Tính đến cuối năm 1941, Mỹ gần như chấm dứt mọi quan hệ thương mại, tài chính với Nhật, theo bách khoa toàn thư Britannica.

THIỆT HẠI TỪ TRẬN TRÂN CHÂU CẢNG			
	MỸ		NHẬT
Thiệt mạng	2.403		64
Bị thương	1.143		0
Tàu chiến	GẦN 20 CHIẾC		5 CHIẾC
Máy bay	HƠN 300 CHIẾC		29-60 CHIẾC

Cuộc chiến tại châu Âu mở ra thời cơ chiến lược để Nhật chinh phạt thuộc địa của các nước châu Âu như Đông Dương, Malaysia, Singapore, Indonesia và Philippines.

Vào tháng 5.1940, Mỹ biến Trân Châu cảng làm căn cứ chính cho Hạm đội Thái Bình Dương. Người Mỹ không nghĩ rằng Nhật sẽ tấn công Hawaii đầu tiên vì khoảng cách xa xôi, do đó thiếu sự phòng vệ cần thiết.





Trong khi đó, cuộc tấn công Trân Châu cảng sẽ giúp Nhật gây bất ngờ và đánh sập tinh thần của hải quân Mỹ, ngăn lực lượng này đáp trả khi quân Nhật chinh phạt các mục tiêu ở châu Á - Thái Bình Dương.

Cuộc tấn công nhìn thoát qua có vẻ là thành công của Nhật, nhưng trên thực tế đã không đạt được mục tiêu là phá hủy hoàn toàn Hạm đội Thái Bình Dương của Mỹ. Các bể chứa dầu, kho vũ khí và xưởng sửa chữa của Mỹ vẫn được bảo vệ cùng 3 tàu sân bay. Đặc biệt, cuộc tấn công này còn chính thức đưa Mỹ vào Thế chiến 2 và là chất xúc tác giúp người dân Mỹ đoàn kết trong cuộc chiến.

Đô đốc Isoroku Yamamoto, kiến trúc sư trưởng của cuộc đánh úp Trân Châu cảng, đã viết trong cuốn nhật ký của ông: “Tôi sợ tất cả những điều chúng ta đã làm sẽ đánh thức gã khổng lồ và lấp đầy nó bằng sự quyết tâm kinh khủng”.

Ngày 8.12.1941, Tổng thống Mỹ Franklin D. Roosevelt phát biểu tại quốc hội và tuyên bố chiến tranh chống Nhật. 6 tháng sau đó, Mỹ phục thù khi khiến Nhật hứng chịu thất bại đau đớn tại trận Midway. Hơn 3 năm sau đó, Thế chiến 2 kết thúc sau sự kiện Mỹ thả 2 quả bom hạt nhân xuống các thành phố Hiroshima và Nagasaki của Nhật.

(Nguồn: thanhnien.vn)

CÂU 115: Trận Trân Châu Cảng diễn ra trong thời điểm nào?

- A. Chiến tranh thế giới thứ nhất.
- B. Chiến tranh thế giới thứ hai.
- C. Chiến tranh lạnh.
- D. Cuộc nội chiến nước Mỹ.

CÂU 116: Những tổn thất của Mỹ sau cuộc tấn công bất ngờ này?

- A. Gần 20 tàu chiến bị chìm hoặc hư hại, hơn 300 máy bay bị phá hủy và 2.403 quân nhân, dân thường thiệt mạng, số người bị thương hơn 1.100.
- B. 5 tàu chiến bị chìm hoặc hư hại, hơn 30 máy bay bị phá hủy và 2.403 quân nhân, dân thường thiệt mạng, số người bị thương hơn 1.100.
- C. Gần 20 tàu chiến Mỹ bị chìm hoặc hư hại, hơn 300 máy bay bị phá hủy và 1,100 quân nhân, dân thường thiệt mạng, số người bị thương hơn 2.430.
- D. Gần 20 tàu chiến Mỹ bị chìm hoặc hư hại, hơn 30 máy bay bị phá hủy và 2.403 quân nhân, dân thường thiệt mạng, số người bị thương hơn 1.100.

CÂU 117: Mỹ tuyên bố tuyên chiến với Nhật khi nào?

- A. Ngày 8/12/1941
- B. Ngày 7/12/1941
- C. Ngày 18/12/1941
- D. Ngày 27/12/1941

Dựa vào thông tin dưới đây để trả lời các câu từ 118 đến 120:

Quá trình hình thành và phát triển

Quân đội nhân dân Việt Nam là lực lượng nòng cốt của lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam, là đội quân từ nhân dân mà ra, vì nhân dân mà phục vụ, sẵn sàng chiến đấu hy sinh “vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội, vì hạnh phúc của nhân dân”. Tiền thân của Quân đội





nhân dân Việt Nam là Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân, đội quân chủ lực đầu tiên được thành lập ngày 22 tháng 12 năm 1944 theo chỉ thị của lãnh tụ Hồ Chí Minh.



Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân (Tiền thân của Quân đội nhân dân Việt Nam) thành lập ngày 22/12/1944.

Khi mới thành lập, Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân chỉ có 34 cán bộ, chiến sĩ nhưng đã sớm phát huy được truyền thống chống ngoại xâm và nghệ thuật quân sự lấy ít địch nhiều, lấy nhỏ thắng lớn của dân tộc. Ngay từ lần đầu ra quân, đội quân chính quy đầu tiên của Việt Nam đã lập nên những chiến công vang dội, giải phóng những khu vực rộng lớn làm căn cứ cho các hoạt động đấu tranh giành độc lập, mở đầu truyền thống quyết chiến quyết thắng của Quân đội nhân dân Việt Nam sau này. Ngày 15 tháng 5 năm 1945, Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân sáp nhập với lực lượng Cứu quốc quân và đổi tên thành Giải phóng quân, trở thành lực lượng quân sự chủ yếu của Mặt trận Việt Minh khi tiến hành cuộc Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong Cách mạng tháng Tám năm 1945.



Lá cờ Quyết chiến Quyết thắng tung bay trong chiến dịch Điện Biên Phủ tháng 5 năm 1954.

Thời gian từ năm 1945 đến năm 1954 là thời kỳ phát triển vượt bậc cả về số lượng và khả năng chiến đấu của Quân đội nhân dân Việt Nam. Chỉ một thời gian ngắn, từ khi đất nước giành được độc lập đến tháng 11 năm 1945, Giải phóng quân đã phát triển từ một đội quân nhỏ trở





thành Quân đội Quốc gia Việt Nam với quân số khoảng 50.000 người, tổ chức thành 40 chi đội. Năm 1950, Quân đội Quốc gia Việt Nam đổi tên thành Quân đội nhân dân Việt Nam. Cũng thời gian này, các đại đoàn (đơn vị tương đương sư đoàn) chủ lực quan trọng như các đại đoàn 308, 304, 312, 320, 316, 325, 351 lần lượt được thành lập, đến nay vẫn là những đơn vị chủ lực của Quân đội nhân dân Việt Nam. Từ một đội quân chỉ vài trăm người khi tham gia Tổng khởi nghĩa, Quân đội nhân dân Việt Nam đã phát triển thành quân đội với các sư đoàn chủ lực mạnh, lập nên những chiến công lẫy lừng mà đỉnh cao là chiến thắng Điện Biên Phủ lịch sử ngày 07 tháng 05 năm 1954, đập tan mưu toan thiết lập lại chế độ thuộc địa của thực dân Pháp.

Sau khi Hiệp định Giơnevơ năm 1954 được ký kết, đất nước Việt Nam tạm thời bị chia cắt thành hai miền. Nhân dân Việt Nam đứng trước hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thống nhất đất nước. Nhiệm vụ của quân đội thời kỳ này là vừa xây dựng chính quy, bảo vệ miền Bắc xã hội chủ nghĩa vừa tham gia đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Ngày 15 tháng 02 năm 1961, Quân Giải phóng miền Nam, lực lượng quân sự của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam được thành lập trên cơ sở thống nhất lực lượng vũ trang tại chỗ và lực lượng tăng viện từ miền Bắc. Trước sự can thiệp trực tiếp của quân đội Mỹ, Quân đội nhân dân Việt Nam đã sát cánh cùng với nhân dân và các lực lượng vũ trang khác, tiến hành chiến tranh toàn dân, toàn diện, lâu dài và gian khổ, lập nên những kỳ tích mà tiêu biểu là cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân năm 1968, chống chiến tranh phá hoại bằng không quân, hải quân của Mỹ ở miền Bắc mà đỉnh cao là chiến dịch “Điện Biên Phủ trên không” tháng 12 năm 1972; kết thúc thắng lợi bằng chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử vào ngày 30 tháng 4 năm 1975, thống nhất đất nước, mở ra thời kỳ phát triển mới cho đất nước.



Xe tăng Quân Giải phóng miền Nam tiến vào Dinh Độc Lập ngày 30 tháng 4 năm 1975.

Sau chiến thắng lịch sử năm 1975, Quân đội nhân dân Việt Nam lại cùng với nhân dân cả nước tiến hành thắng lợi các cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới, giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc....

(Nguồn: mod.gov.vn)

CÂU 118: Tiền thân của Quân đội Nhân dân Việt Nam được thành lập ở đâu?

- A. Cao Bằng. B. Bắc Kạn. C. Lạng Sơn. D. Tuyên Quang.





CÂU 119: Quân đội Quốc gia Việt Nam đổi tên thành Quân đội nhân dân Việt Nam khi nào?

- A. Năm 1945. B. Năm 1950. C. Năm 1954. D. Năm 1968.

CÂU 120: Tiền thân của Quân đội Nhân dân Việt Nam là tổ chức nào?

- A. Cứu quốc quân.
B. Giải phóng quân.
C. Mặt trận Dân tộc giải phóng.
D. Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân.





BẢNG ĐÁP ÁN ĐỀ 01

CÂU	Đ.ÁN	CÂU	Đ.ÁN	CÂU	Đ.ÁN	CÂU	Đ.ÁN	CÂU	Đ.ÁN	CÂU	Đ.ÁN
1	C	21	C	41	D	61	B	81	B	101	A
2	B	22	C	42	A	62	A	82	C	102	A
3	D	23	A	43	A	63	B	83	C	103	A
4	A	24	A	44	C	64	D	84	D	104	C
5	B	25	D	45	C	65	D	85	D	105	B
6	D	26	D	46	A	66	C	86	D	106	D
7	A	27	A	47	B	67	B	87	C	107	D
8	C	28	B	48	D	68	B	88	D	108	C
9	C	29	C	49	D	69	A	89	B	109	A
10	B	30	A	50	D	70	C	90	B	110	C
11	A	31	B	51	D	71	C	91	C	111	A
12	C	32	D	52	C	72	B	92	D	112	B
13	A	33	B	53	C	73	B	93	C	113	B
14	C	34	A	54	C	74	D	94	C	114	A
15	D	35	C	55	D	75	B	95	C	115	B
16	B	36	A	56	D	76	B	96	D	116	A
17	A	37	B	57	C	77	A	97	D	117	A
18	D	38	C	58	C	78	C	98	B	118	A
19	C	39	D	59	D	79	C	99	C	119	B
20	C	40	B	60	B	80	C	100	A	120	D



**GIẢI CHI TIẾT ĐỀ 01****CÂU 1: Đáp án C.**

“Cao chằm vô ưu” (thành ngữ Trung Quốc): theo nghĩa đen có nghĩa là kê cao gối ngủ mà không phải lo lắng. Nó thể hiện hình ảnh một người có thể ngủ trong hòa bình mà không có bất kỳ lo lắng cuộc sống nào hết, được sử dụng để mô tả sống một cuộc sống yên bình và không có ưu phiền.

CÂU 2: Đáp án B.

Đi đường là bài thơ thất ngôn tứ tuyệt giản dị mà hàm súc, mang ý nghĩa tư tưởng sâu sắc; từ việc đi đường núi đã gợi ra chân lí đường đời: vượt qua gian lao chông chênh sẽ tới thắng lợi vẻ vang.

CÂU 3: Đáp án D.

Nhân hóa: “thì thào”, “hờn.”.

Câu hỏi tu từ: “*Phải chăng hờn vì nỗi phải bay đi?*”.

CÂU 4: Đáp án A.

*“Lưu Cung tham công nên thất bại,
Triệu Tiết thích lớn phải tiêu vong.
Cửa Hàm Tử bắt sống Toa Đô,
Sông Bạch Đằng giết tươi Ô Mã.
Việc xưa xem xét,
Chứng cứ còn ghi.”*

CÂU 5: Đáp án B.

Nước như ai nấu...

CÂU 6: Đáp án D.

Mở đầu tác phẩm, Nguyễn Tuân đã dẫn 2 câu thơ của Nguyễn Quang Bích:

*“Chúng thủy giai đông tẩu
Đà giang độc bắc lưu”.*

Dịch nghĩa:

*“Mọi dòng sông đều chảy về hướng đông
Chỉ có sông Đà là chảy về hướng bắc”.*

CÂU 7: Đáp án B.

Ghi nhớ SGK Ngữ Văn 12: Truyện ngắn *Vợ nhặt* của Kim Lân không chỉ miêu tả tình cảnh thê thảm của người nông dân nước ta trong nạn đói khủng khiếp năm 1945 mà còn thể hiện được bản chất tốt đẹp và sức sống kì diệu của họ: ngay trên bờ vực của cái chết, họ vẫn hướng về sự sống, khát khao tổ ấm gia đình và thương yêu đùm bọc lẫn nhau. Nội dung nhân đạo sâu sắc và cảm động đó được thể hiện qua một tình huống truyện độc đáo, cách kể chuyện hấp dẫn, miêu tả tâm lí khá tinh tế, dựng đối thoại sinh động.

Câu B. Thông tin thuộc tác phẩm *Vợ chồng A Phủ*.

CÂU 8: Đáp án C.

A. Cà tàng: tàng, chiếc xe cà tàng.

B. Đờ dãn: lơ dờ, không nhanh nhạy, nghe nhầm chán, khó chịu.

C. Lải nhải: nói đi nói lại mãi một điều.

D. Lạm sát: giết thịt gia súc bữa bãi, nhiều quá mức cho phép.

CÂU 9: Đáp án C.



A. Ngả ngớn: có dáng điệu cử chỉ không nghiêm túc, không đứng đắn.

C. Thuần phác: hiền lành, chất phác.

CÂU 10: Đáp án B.

“Tôi bỗng nghe tiếng thở dài của bác Năm – một con người gầy gò, xanh xao vì đến gần cuối đời vẫn phải chật vật lo cho con mình. Ở cái tuổi xế chiều ấy, người ta mong được sống một cuộc sống yên bình, không bận lòng với thế giới xô bồ ngoài kia.”

CÂU 11: Đáp án A.

Bảo: giữ gìn, trọng: nặng nề, quan hệ. Lấy việc giữ gìn thân thể làm quan trọng.

CÂU 12: Đáp án C.

“như”,...

CÂU 13: Đáp án A.

Thiếu chủ ngữ và vị ngữ.

CÂU 14: Đáp án C.

C. Từ ghép; các từ còn lại là từ láy.

CÂU 15: Đáp án D.

=> Câu rút gọn.

CÂU 16: Đáp án B.

CÂU 17: Đáp án A.

CÂU 18: Đáp án D.

CÂU 19: Đáp án C. “Ngày khai hội, dân làng và khách thập phương dâng hương, đúng nửa đêm có lễ khai quang - tắm cho pho tượng Thánh Gióng.”

CÂU 20: Đáp án C.

CÂU 21: Đáp án C.

Tạm dịch: “Robin không cần phải đưa tất cả số tiền đó cho bọn trẻ, ...”

A. proud: tự hào

B. kiên nhẫn

C. rộng lượng

D. ghen tỵ

=> Chọn C.

CÂU 22: Đáp án C.

Dấu hiệu: “before” => dùng quá khứ đơn – hiện tại hoàn thành. Hành động “ăn trưa” diễn ra trước -> “had had lunch”; còn động từ “look” đáng lẽ sẽ là ở thì quá khứ đơn nhưng đứng liền sau before nên rút gọn chủ ngữ và chuyển thành dạng V-ing. Chọn C.

CÂU 23: Đáp án A.

Các cấu trúc “Neither ... nor ...”, “Either ... or ...” chia động từ trong câu theo chủ ngữ đứng sau => Chọn A.

CÂU 24: Đáp án A.

“in attempting to do sth”: trong việc nỗ lực làm gì đó

CÂU 25: Đáp án D.

Collocation: “in a mess” = trong một mớ hỗn độn (chỉ người đang gặp khó khăn).

CÂU 26: Đáp án D.

Sửa “relationships” (các mối quan hệ) thành “relatives” (họ hàng).





CÂU 27: Đáp án A.

Sửa “getting used” thành “getting used to”.

CÂU 28: Đáp án B.

Sửa “outweighed” (vượt trội) thành “overweight” (thừa cân).

CÂU 29: Đáp án C.

Câu này chỉ đơn giản tường thuật lại những hành động xảy ra kéo dài trong quá khứ => quá khứ tiếp diễn => sửa had thành “were having”.

CÂU 30: Đáp án A.

Sửa “through” (thông qua) thành “throughout” (xuyên suốt).

CÂU 31: Đáp án B.

Từ khóa: “triple” = “three times higher” => Chọn B.

CÂU 32: Đáp án D.

Tạm dịch: “Tôi luôn ghét mì ống khi còn nhỏ. Bây giờ tôi nấu nó thường xuyên.”

=> Chọn D (sử dụng “used to dislike” = “đã từng ghét” (nhưng bây giờ thì không).

CÂU 33: Đáp án B.

Tạm dịch: Thật lãng phí thời gian để cố gắng giải thích bất cứ điều gì cho Tony.

A. Tony nên được giải thích.

B. Không đáng để cố gắng giải thích bất cứ điều gì với Tony.

C. Để tiết kiệm thời gian, hãy giải thích cho Tony.

D. Sai ngữ pháp (không có “no worthy to...”).

=> Chọn B.

CÂU 34: Đáp án A.

Anne chạy bộ mỗi sáng. Nó rất tốt cho sức khỏe của cô ấy.

A. Anne chạy bộ mỗi sáng, điều này rất tốt cho sức khỏe của cô ấy.

B. Anne chạy bộ mỗi sáng và sau đó rất tốt cho sức khỏe của cô ấy.

C. Anne chạy bộ mỗi sáng rất tốt cho sức khỏe.

D. Anne chạy bộ mỗi sáng rất tốt cho sức khỏe của cô ấy.

=> Chọn A.

CÂU 35: Đáp án C.

However + adj + S + to be = adj + as + S + to be

=> Chọn C.

CÂU 36: Đáp án A.





Đoạn trích nói về vấn đề chính: dễ dàng thấy được đoạn văn giới thiệu môn thể thao gọi là bóng đá. => Chọn A.

CÂU 37: Đáp án B.

“FIFA” có nghĩa là gì? “FIFA (Federation International of Football Association) has been established ...” => Chọn B.

CÂU 38: Đáp án C.

Có thể suy ra từ đoạn văn là

- A. Nước Anh là quê hương của bóng đá.
- B. Chỉ có một phiên bản bóng đá duy nhất trên thế giới đến từ Trung Quốc.
- C. Bóng đá mang lại rất nhiều lợi ích cho người chơi.
- D. Bóng đá thúc đẩy hệ xương và hệ tiêu hóa.

=> Chọn C (“Players of football gain many benefits form this game ...”).

CÂU 39: Đáp án D.

Theo văn bản, bóng đá là một trò chơi cạnh tranh bởi vì _____.

- A. nhiều người chơi môn thể thao này.
- B. có nhiều cuộc thi bóng đá.
- C. thật khó để chơi.
- D. người chơi cần cả sức khỏe và một cái đầu thông minh để giành chiến thắng trong trò chơi.

=> Chọn D (“To win the game, players need not only health but a smart head ...”).

CÂU 40: Đáp án B.

Ý nào sau đây phản ánh chính xác nhất thái độ của tác giả về đoạn văn?

Vì đoạn văn chỉ giới thiệu về bóng đá cho người đọc biết thông tin nên đáp án “neutral” là chính xác nhất.

CÂU 41: Đáp án D.

Sử dụng công thức tổ hợp chập của phần tử trong khi chọn các tập hợp con có 2,4,6,...,20 phần tử.

Cách giải:

TH1: A có 1 phần tử => có C_{20}^1 tập hợp con có 2 phần tử.

TH2: A có 3 phần tử => có C_{20}^3 tập hợp con có 4 phần tử.

...

TH10: A có 19 phần tử => có C_{20}^{19} tập hợp con có 20 phần tử.

Suy ra tất cả có $\sum_{i=1}^{10} C_{20}^{2i-1} = 2^{19}$ trường hợp.

CÂU 42: Đáp án A.



$$\text{Đề bài} \Leftrightarrow n(n-1) - \frac{n(n+1)}{2} = 4n + 6 \Leftrightarrow n^2 - 11n + 12 = 0.$$

Suy ra $n = 12$.

CÂU 43: Đáp án A.

$$y' = 4x^3 - 4x = 0 \Leftrightarrow \begin{cases} x = 1 \Rightarrow y = -3 \Rightarrow C(1; -3) \\ x = 0 \Rightarrow y = -2 \Rightarrow A(0; -2) \\ x = -1 \Rightarrow y = -3 \Rightarrow B(-1; -3) \end{cases}.$$

Do đó phương trình (BC): $y + 3 = 0$.

$$S_{ABC} = \frac{1}{2} BC \cdot d(A; BC) = \frac{1}{2} |x_C - x_B| \cdot |-2 + 3| = \frac{1}{2} \cdot 2 = 1.$$

CÂU 44: Đáp án C.

Ta có:

$$2\overrightarrow{MA} - \overrightarrow{BC} = 4\overrightarrow{CM} \Leftrightarrow \begin{cases} 2(-3 - x_M) - (2 - 1) = 4(x_M - 2) \\ 2(3 - y_M) - (-5 - 4) = 4(y_M + 5) \end{cases} \Leftrightarrow \begin{cases} x_M = \frac{1}{6} \\ y_M = -\frac{5}{6} \end{cases} \Rightarrow M\left(\frac{1}{6}; -\frac{5}{6}\right).$$

CÂU 45: Đáp án C.

$$\text{Bất phương trình} \Leftrightarrow \frac{3}{3^x} + 2 \cdot 3^x \leq 7 \Leftrightarrow 2 \cdot 3^{2x} - 7 \cdot 3^x + 3 \leq 0.$$

$$\text{Đặt } t = 3^x, t > 0. \text{ Bất phương trình trở thành } 2t^2 - 7t + 3 \leq 0 \Leftrightarrow \frac{1}{2} \leq t \leq 3.$$

$$\Leftrightarrow \frac{1}{2} \leq 3^x \leq 3 \Leftrightarrow -\log_3 2 \leq x \leq 1 \Rightarrow P = 0.$$

CÂU 46: Đáp án A.

$$A_n^3 + 5 \cdot A_n^2 = 2(n+15)$$

$$\Leftrightarrow \frac{n!}{(n-3)!} + 5 \frac{n!}{(n-2)!} = 2(n+15)$$

$$\Leftrightarrow (n-2)(n-1) + (n-1)n = 2(n+15)$$

$$\Leftrightarrow n^3 + 2n^2 - 5n - 30 = 0$$

$$\Leftrightarrow n = 3.$$

CÂU 47: Đáp án B.

Kí hiệu số ghế là 1; 2; 3; 4; 5; 6.

Xếp trước 3 nam ngồi ở vị trí số lẻ và 3 nữ ngồi ở vị trí số chẵn và ngược lại

$$\text{Ta có: } 3! \cdot 3! \cdot 2! = 72.$$

CÂU 48: Đáp án D.

$$4S^2 = \begin{vmatrix} -1 & 1 \\ -6 & 6 \end{vmatrix}^2 + \begin{vmatrix} 1 & -3 \\ 6 & 2 \end{vmatrix}^2 + \begin{vmatrix} -3 & -1 \\ 2 & -6 \end{vmatrix}^2 = 800$$

$$\Leftrightarrow S^2 = 200 \Leftrightarrow S = 10\sqrt{2}.$$



**CÂU 49: Đáp án D.**

Giả sử: $z = x + yi$ ($x, y \in \mathbb{R}$) Theo bài ra ta có: $|zi - (2 + i)| = 2 \Leftrightarrow |xi - y - 2 - i| = 2 \Leftrightarrow (x - 1)^2 + (y + 2)^2 = 4$.

CÂU 50: Đáp án D.

Đặt $t = \pi - x \Rightarrow dt = -dx$. $x = 0 \Rightarrow t = \pi$, $x = \pi \Rightarrow t = 0$.

$$I = - \int_{\pi}^0 (\pi - t) f(\pi - t) dt = \int_0^{\pi} (\pi - t) f(t) dt = \pi \int_0^{\pi} f(x) dx - \int_0^{\pi} xf(x) dx$$

$$\Rightarrow I = \pi \cdot \frac{\pi}{2} - I \Rightarrow I = \frac{\pi^2}{4}.$$

CÂU 51: Đáp án D.

“Trời không mưa” là mệnh đề p.

“Nam sẽ đi đá bóng” là mệnh đề q.

Ta có mệnh đề $p \rightarrow q$ là một mệnh đề đúng.

Câu A: $p \rightarrow q$ là một mệnh đề sai.

Câu B: $q \wedge p$ là mệnh đề sai.

Câu C: $p \rightarrow q$ là mệnh đề sai.

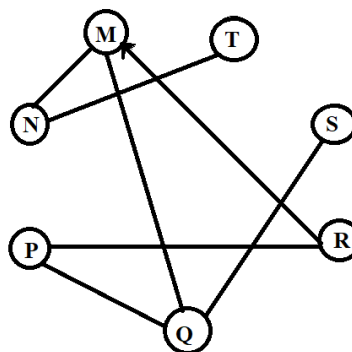
CÂU 52: Đáp án C.

C đi xe màu đỏ, D và B không đi màu lam thì buộc A đi xe màu lam

Giả sử A đi xe vàng hoặc xanh thì sẽ có 1 trong 2 là D và B sẽ đi xe màu lam, mâu thuẫn

Khẳng định C đúng

Khẳng định A, B chưa chắc đúng vì D và B có thể hoán vị xe cho nhau.

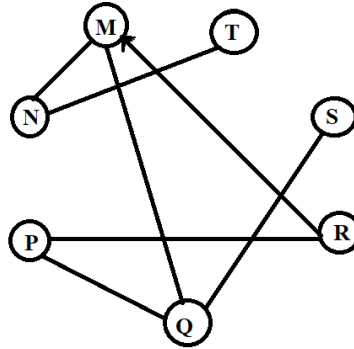
CÂU 53: Đáp án C.

Từ Q có 3 đường đi qua M, S, P.

Nếu qua M, S thì không thể tới được R.

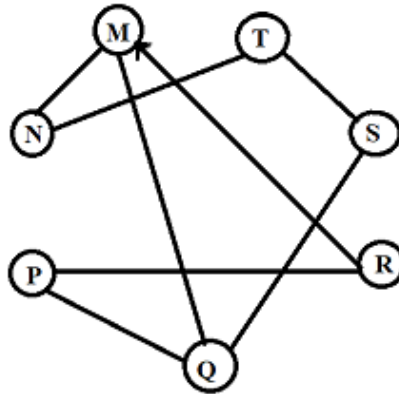
Vậy phải qua P

CÂU 54: Đáp án C.



Có hai cách đi là: $P \rightarrow Q \rightarrow M \rightarrow N \rightarrow T$ và $P \rightarrow R \rightarrow M \rightarrow N \rightarrow T$

CÂU 55: Đáp án D.



Câu A: M qua S phải đi qua T sai khi: $M \rightarrow Q \rightarrow S$.

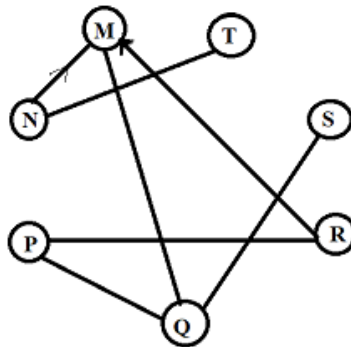
Câu B: P qua T phải đi qua R sai khi: $P \rightarrow Q \rightarrow S \rightarrow T$.

Câu C: N qua M không đi trực tiếp thì đi hết các thành phố còn lại là sai khi: $N \rightarrow T \rightarrow S \rightarrow Q \rightarrow M$.

Câu D: P qua N nhưng không qua Q: $P \rightarrow R \rightarrow M \rightarrow N$ (qua M)

CÂU 56: Đáp án D.

Đường một chiều từ N đến M hoặc M đến N



TH1: $N \rightarrow M$: Khi đó $P \rightarrow T$ không có đường đi.

TH2: $M \rightarrow N$: Khi đó $P \rightarrow T$ có đường đi. Khẳng định chắc chắn đúng phải đúng trong tất cả trường hợp $\rightarrow$ Chọn D.





CÂU 57: Đáp án C.

			1	2	3	4	5	6	7
			<u>E</u>	-	<u>A</u>	-	<u>E</u>	<u>A</u>	-
GY2	B không gần E, G	Câu A	B	C	F	G	D	A(mt)	E
GY3	C không gần D, F	Câu B	C	E	B (2)	F	G	D	A
		Câu C	A	B	C	E	F	D	G
		Câu D	B	A	C	F (3)	D	E	G

CÂU 58: Đáp án C

		1	2	3	4	5	6	7
		<u>E</u>	-	<u>A</u>	-	<u>E</u>	<u>A</u>	-
GY2	B không gần E, G		<u>D, F</u>	C	<u>D, F, E, G</u>	B	<u>E, G</u>	
GY3	C không gần D, F			C	A	B		

CÂU 59: Đáp án D

			1	2	3	4	5	6	7
			<u>E</u>	-	<u>A</u>	-	<u>E</u>	<u>A</u>	-
GY2	B không gần E, G		<u>B</u>	G	<u>B, D, F</u>	C	<u>D, F</u>		
GY3	C không gần D, F	TH1	F/A	G	E	C	B	D	A/F
		TH2	D/A	G	E	C	B	F	A/D
		TH3	F	G	E	C	A	B/E	E/B
		TH4	D	G	E	C	A	B/E	E/B

CÂU 60: Đáp án B

			1	2	3	4	5	6	7
			<u>E</u>	-	<u>A</u>	-	<u>E</u>	<u>A</u>	-
GY2	B không gần E, G		<u>B</u>	G	<u>B, D, F</u>	C	<u>D, F, B</u>		





GY3	C không gần D, F	TH3	F	G	E	C	A	B/D	D/B
		TH4	D	G	E	C	A	B/F	F/B

CÂU 61: Đáp án B Hàng xa xỉ nội địa của Trung Quốc đạt doanh thu cao nhất vào năm 2013.

CÂU 62: Đáp án A Doanh thu hàng xa xỉ nội địa của Trung Quốc thu được từ khu vực Châu Âu năm 2014: $18 \times 21\% \approx 3.78$ tỷ USD.

CÂU 63: Đáp án B Nhật Bản chiếm 25.5% ở khu vực Châu Á trong việc tiêu thụ hàng xa xỉ nội địa của Trung Quốc: $\frac{13\%}{13\%+9\%+29\%} \times 100 \approx 25.5\%$.

CÂU 64: Đáp án D

Đối tác thương mại lớn nhất của Argentina là Brazil.

CÂU 65: Đáp án D Sản xuất hàng tiêu dùng không phải là mặt hàng xuất khẩu của Argentina sang Trung Quốc.

CÂU 66: Đáp án C

Những mặt hàng là chủ yếu trong xuất khẩu và nhập khẩu: Các sản phẩm chủ yếu, hàng hóa vốn.

So với nhập khẩu thì xuất khẩu bằng 46.3% vào năm 2014.

CÂU 67: Đáp án B

Những năm có xuất khẩu hoặc nhập khẩu đạt giá trị lớn nhất: 2011, 2013.

CÂU 68: Đáp án B

Đài Loan không phải là thị trường hàng hiệu lớn nhất thế giới.

CÂU 69: Đáp án A

Những quốc gia vẫn giữ được xếp hạng so với năm 2014: Đức, Hàn Quốc, Nhật Bản, Anh, Mỹ.

CÂU 70: Đáp án C

Có 4 khu vực ở Đông Á thuộc thị trường hàng hiệu lớn nhất thế giới (Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc, Hong Kong).

Những khu vực này có tổng doanh thu năm 2015 bằng 70.74% so với doanh thu của Mỹ $\frac{20.1+17.9+10.8+6.8}{78.6} \times 100 \approx 70.74\%$.

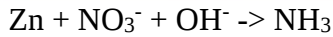
CÂU 71: Đáp án C

C $\rightarrow$ do khối lượng hỗn hợp khí không đổi nên giảm nhiệt làm M giảm thì số mol hỗn hợp phải tăng (cân bằng dịch chuyển sang phải). Hay phản ứng nghịch là thu nhiệt, phản ứng thuận là tỏa nhiệt. Chú ý nguyên lý chuyển dịch cân bằng

CÂU 72: Đáp án B

B. $\text{Zn} + \text{OH}^- \rightarrow \text{H}_2$



**CÂU 73: Đáp án B**

Giải thích: $n_X = 0.05$; $n_{\text{H}_2} = 0.025 \rightarrow 1$ nhóm OH

A loại vì mạch nhánh

B thỏa

C loại vì tác dụng với CuO ra tạp chức

D loại vì không tác dụng với Na

CÂU 74: Đáp án D**CÂU 75: Đáp án B.**

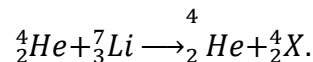
$$T_{\max} = 4T_{\min} \Leftrightarrow mg(3 - 2\cos\alpha_0) = 4mg\cos\alpha_0$$

$$\Leftrightarrow \cos\alpha_0 = \frac{1}{2}.$$

$$W = mgl(1 - \cos\alpha_0) = 0,27 \text{ J}.$$

CÂU 76: Đáp án B.

Viết đầy đủ phương trình phản ứng hạt nhân ta nhận thấy X cũng là ${}^4_2\text{He}$:



Vì vậy, cứ mỗi phản ứng hạt nhân có 2 hạt ${}^4_2\text{He}$ tạo thành. Do đó, số phản ứng hạt nhân bằng một nửa số hạt ${}^4_2\text{He}$:

$$Q = \text{số phản ứng} \cdot \Delta E = \frac{1}{2} \text{ Số hạt He} \cdot \Delta E.$$

$$Q = \frac{1}{2} \cdot 0,56 \cdot 0,23 \cdot 10^{23} \cdot 17,3 \approx 2,6 \cdot 10^{24} \text{ (MeV)}.$$

CÂU 77: Đáp án A.

$$\begin{cases} Z_0 = |Z_L - Z_C| = 24 \text{ (}\Omega\text{)} \\ P_{\max} = \frac{U^2}{2R_0} \Rightarrow 200 = \frac{U^2}{2 \cdot 24} \Rightarrow U = 40\sqrt{6} \text{ (V)} \end{cases}$$

$$P = \frac{U^2 R}{R^2 + (Z_L - Z_C)^2} = \frac{9600 \cdot 18}{18^2 + 24^2} = 192 \text{ (W)}.$$

CÂU 78: Đáp án C.**CÂU 91: Đáp án C****CÂU 92: Đáp án D****CÂU 93: Đáp án C****CÂU 94: Đáp án C**

trong phân tử là lk cht phân cực, giữa các phân tử là lk hidro





CÂU 95: Đáp án C

CÂU 96: Đáp án D

CÂU 97: Đáp án D.

CÂU 98: Đáp án B.

CÂU 99: Đáp án C.

$Q = CU = 3.5 = 15 (C).$

CÂU 100: Đáp án A.

CÂU 101: Đáp án A.

CÂU 102: Đáp án A.

CÂU 103: Đáp án A.

CÂU 104: Đáp án C.

CÂU 105: Đáp án B.

CÂU 106: Đáp án D.

CÂU 107: Đáp án D.

CÂU 108: Đáp án C.

CÂU 109: Đáp án A.

CÂU 110: Đáp án C.

CÂU 111: Đáp án A.

CÂU 112: Đáp án B.

CÂU 113: Đáp án B.

CÂU 114: Đáp án A.

CÂU 115: Đáp án B.

CÂU 116: Đáp án A.

CÂU 117: Đáp án A.

CÂU 118: Đáp án A.

CÂU 119: Đáp án B.

CÂU 120: Đáp án D.

